



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo thường niên năm 2021 của
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị : **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)**
2. Mã chứng khoán : **PVX**
3. Trụ sở chính : Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại : 04.37689291 Fax: 04.37689290
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ngô Thị Thu Hoài**
6. Địa chỉ thường trú: F312, C5, khu tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
7. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.37689291 Fax: 04.37689290
8. Nội dung của thông tin công bố:
Báo cáo thường niên năm 2021 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://pvc.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PETROCONS (b/c);
- TGD PETROCONS (b/c);
- Người quản trị kiêm thư ký Công ty;
- Lưu: VT, TCKT-KT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

Ngô Thị Thu Hoài

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 1004/BC-XLTK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Thường niên năm 2021

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

* Tên công ty bằng tiếng Việt:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

* Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

* Tên công ty viết tắt: PETROCONS

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng

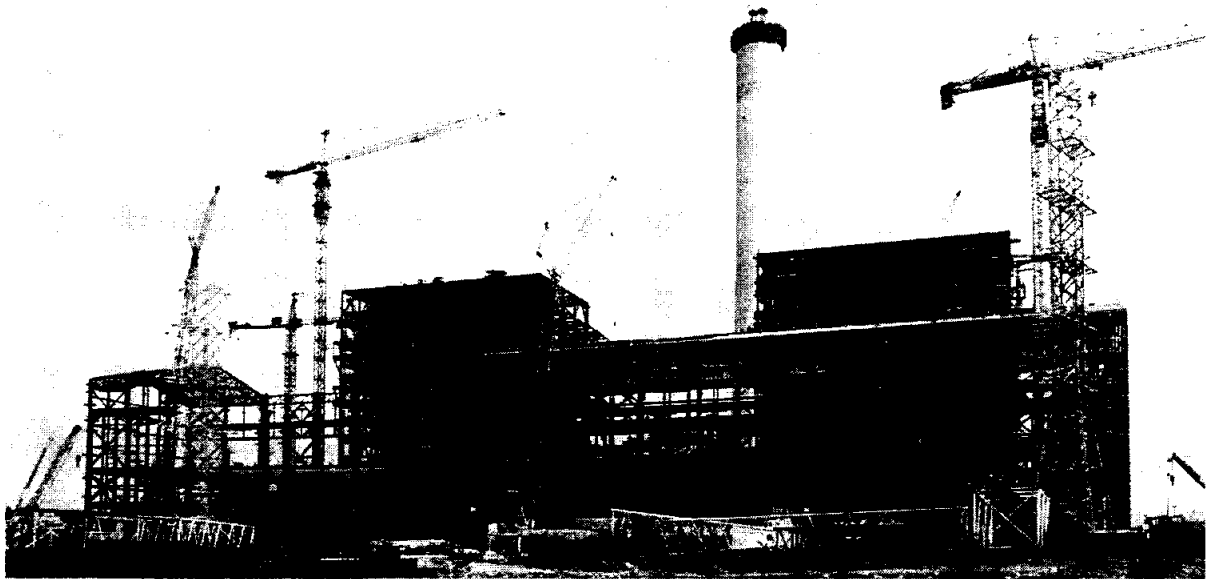
* Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Số điện thoại: 0243.7689291

* Số fax: 0243.7689290

* Website: www.pvc.vn

* Mã cổ phiếu: PVX



1. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 39 năm qua, PETROCONS nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- 14/9/1983, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập **Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí** với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bến cảng, bãi đê cần khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axêtylen, kho đông lạnh, hồ chôn bùn khoan.

- 19/9/1995, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành **Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)** - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- 1/4/2006, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, **Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC)** chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- 26/10/2007, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)**.

- 19/8/2008, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- **2010**, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mỏ Đại Hùng sâu 110 m nước, trong lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mỏ Mộc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- **1/2013**, theo đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của PVN trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

- **20/01/2022**, Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 01/2022 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK thông qua việc đổi tên viết tắt của Tổng công ty từ PVC thành PETROCONs và Bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Trải qua 39 năm hình thành và phát triển, PETROCONs đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ Căn cứ Dịch vụ Tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đồng Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và mới nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II... đều ghi dấu vai trò quan trọng của Tổng Công ty PETROCONs.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PETROCONs đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II...

Đặc biệt, PETROCONs tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực Thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PETROCONs thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông...

PETROCONs không ngừng việc củng cố, phát triển các lĩnh vực thế mạnh truyền thống như xây dựng hệ thống tàng trữ, vận chuyển các sản phẩm Dầu khí, cơ khí lắp đặt và chế tạo các thiết bị Dầu khí...

PETROCONs còn khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PETROCONs có bước tiến vượt bậc trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Tòa nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Trên những chặng đường đã qua, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của đất nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí

PETROCONs là doanh nghiệp chủ lực của ngành Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PETROCONs trong 39 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.

- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.

- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.

- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Xây dựng công nghiệp

PETROCONs còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành Dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...

- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.

- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...

- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện

c. Xây dựng dân dụng

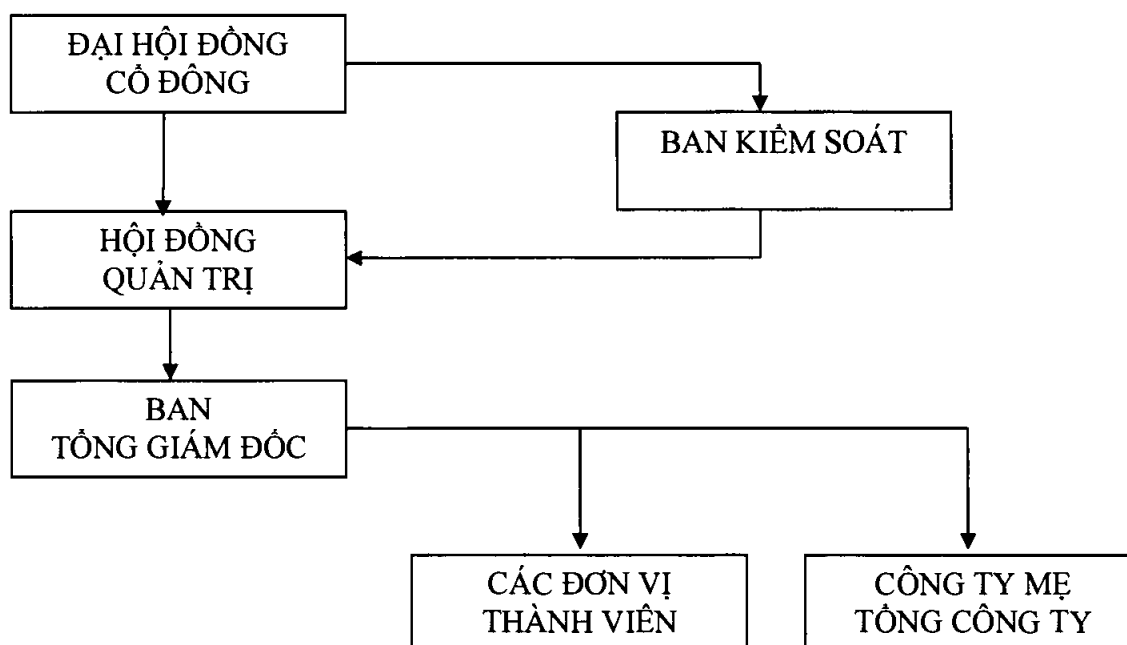
PETROCONs đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PETROCONs còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới

d. Sản xuất công nghiệp

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PETROCONs chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí)

3. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị



- Các công ty con, công ty liên kết:

I	Các công ty con	
1	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	
3	Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	
4	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	
5	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	
6	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	
7	Công ty CP ĐT&XD Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	
II	Công ty liên kết, Đầu tư Tài chính	
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	
2	Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	
3	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	
4	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	
5	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	
6	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	
7	Công ty CP thiết kế quốc tế Heerim PVC	
8	Công ty CP TM Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petrolink)	

9	Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí (PVC - ID)	
10	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp DK Nghệ An - PVNC	
11	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (PVC-SG)	
12	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	
13	Công ty CP Xây lắp Dầu khí PVC Trường Sơn	
14	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	
15	Công ty CP xi măng Hạ Long	
16	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 4	
17	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	
18	Công ty CP Đầu tư Xây lắp dầu khí IMICO	

4. Định hướng phát triển của PetroCons trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

- Khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước khẳng định thương hiệu, uy tín của PetroCons trong lĩnh vực thi công xây lắp là mục tiêu đặt lên hàng đầu. Đảm bảo giữ vững ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn hiện có và tiến tới mang lại lợi ích cho các cổ đông của PetroCons.

- Hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài ngành, tận dụng tối đa lợi thế là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các đơn vị có năng lực trong và ngoài nước, giảm thiểu cạnh tranh, tránh đối đầu trực tiếp, từng bước tiếp thu, nâng cao năng lực nhằm mở rộng chiếm lĩnh thị trường xây lắp các công trình dầu khí trong nước và các dự án của các nhà đầu tư nước ngoài,... dần mở rộng ra thị trường ngoài ngành và nước ngoài.

- Đối với công tác tái cơ cấu/ thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp: Tổ chức sắp xếp, thu gọn các đơn vị thành viên/các công ty con theo hướng chuyên môn hóa vào từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với chuỗi liên kết, ngành nghề kinh doanh của PetroCons, không tạo sự cạnh tranh về thị trường giữa các đơn vị thành viên trong Tổng công ty. Hỗ trợ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp PetroCons góp vốn được chủ động xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch tái cơ cấu đơn vị trên cơ sở các nguồn lực, thế mạnh hiện có phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ đơn vị nhằm giúp đơn vị sớm ổn định, phục hồi hoạt động SXKD đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế, qua đó nâng cao giá trị doanh nghiệp của đơn vị và giúp PetroCons có cơ hội thoái toàn bộ phần vốn góp đang sở hữu với mức giá kỳ vọng, đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật.

- Tiếp tục thu xếp nguồn nhằm trả nợ các khoản vay ủy thác Tập đoàn qua Oceanbank và giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị thành viên.

- Tuyển dụng, bổ sung nguồn lực lao động và đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên phù hợp với tốc độ tăng trưởng, đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên sâu về chuyên môn trong lĩnh vực tư vấn, quản lý, thiết kế, đấu thầu và quản lý dự án.

5. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2022

Bên cạnh những kết quả đạt được và những hạn chế tồn tại năm 2021, Tổng công ty cũng tồn tại một số rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, tóm tắt như sau:

- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, nếu không được Chủ đầu tư giải quyết tháo gỡ các khó khăn vướng mắc tại các đề xuất kiến nghị của PetroCons cũng như hỗ trợ kịp thời về dòng tiền cho dự án, tiến độ dự án sẽ tiếp tục bị kéo dài dẫn đến những rủi ro phát sinh như: i) Rủi ro phát sinh chi phí do dự án chậm tiến độ và chậm điều chỉnh Hợp đồng EPC; ii) PetroCons có thể phải đối diện với việc bị phạt hợp đồng với các nhà thầu phụ tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 do chậm thanh toán vì PetroCons thiếu hụt dòng tiền và dự án bị điều chỉnh tiến độ; iii) Những vướng mắc liên quan tới công tác gia hạn hợp đồng với SDC, hợp đồng chạy thử,... nếu không được giải quyết cũng tiềm ẩn những rủi ro có thể gây lỗ cho PetroCons.

- Đối với các công trình/dự án đã hoàn thành, đang chờ quyết toán như dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án NMNĐ Quảng Trạch, dự án Ethanol, dự án PVTex,... khi quyết toán/bàn giao các Dự án/Hợp đồng đều tồn tại và tiềm ẩn các rủi ro liên quan đến việc cắt giảm khối lượng/thực hiện, ghi nhận tăng chi phí thực hiện theo kết luận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Công tác trả nợ gốc và lãi vay đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn: Do tình hình tài chính khó khăn (lỗ lũy kế tại 31/12/2021 của Công ty mẹ PetroCons là 3.659,7 tỷ đồng), các tài sản/dự án hình thành từ nguồn vốn vay ủy thác của Tập đoàn không phát huy được hiệu quả, một số đơn vị của PetroCons đã chuyển nhượng/sử dụng vào mục đích khác, dẫn đến PetroCons gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn;

- Tiềm ẩn rủi ro về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn: Tại ngày 31/12/2021, PetroCons vẫn còn có các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn 155 tỷ đồng (PVC-HN: 73,6 tỷ đồng; PVC-ME: 64,2 tỷ đồng; PVC-SG: 17,1 tỷ đồng) và bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình 111,8 tỷ đồng theo hợp đồng chuyên nhượng Khách sạn Dầu khí Thái Bình với PVEP. PetroCons đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả 137,9 tỷ đồng, PetroCons tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị.

- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PetroCons từ các khoản đầu tư tài chính: tại thời điểm 31/12/2021, tổng giá trị đầu tư của PetroCons vào 25 đơn vị thành viên là 2.326,55 tỷ đồng. Tổng giá trị trích lập dự phòng đầu tư tài chính lũy kế đến thời điểm 31/12/2021 là 1.608,00 tỷ đồng tương ứng 69% tổng giá trị đầu tư, hầu hết các đơn vị đều có khả năng kinh doanh thua lỗ trong các năm tiếp theo nên sẽ tiềm ẩn phải tiếp tục trích lập dự phòng đầu tư tài chính bổ sung. Bên cạnh đó còn nhiều khoản đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính khác đến nay không thu thập được các báo cáo tài chính kiểm toán liên quan đến sự suy giảm giá trị doanh nghiệp để xác định số liệu trích lập dự phòng.

- Tiềm ẩn rủi ro trong trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi: Tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ PetroCons đến thời điểm 31/12/2021 là 3.094,96 tỷ đồng. Trong đó: phải thu khách hàng là 1.857,85 tỷ đồng, phải thu trả trước người

bán là 586,55 tỷ đồng, phải thu các đơn vị từ khoản vay ủy thác của Tập đoàn và cho vay hỗ trợ vốn là 371,49 tỷ đồng, tài sản thiếu chờ xử lý là 0,72 tỷ đồng và phải thu khác (bao gồm phải thu khác ngắn hạn và dài hạn) là 278,35 tỷ đồng. Công ty mẹ PetroCons đã thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu quá hạn/khó đòi với tổng số tiền là 953,16 tỷ đồng. PetroCons sẽ tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

- PetroCons làm việc với các Chủ đầu tư/ Đối tác/ Khách hàng cũng gặp nhiều hạn chế dẫn đến hoạt động SXKD của PetroCons tiếp tục gặp khó khăn, đặc biệt trong công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc mới.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Tỷ lệ hoàn thành KH (%)	Tỷ lệ 2021/2020 (%)
				Kế hoạch ĐHĐCĐ chấp thuận	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.839,44	1.368,00	1.428,26	104%	78%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	246,69	457,00	217,92	48%	88%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.626,97	1.383,00	2.289,56	166%	141%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	261,31	677,00	871,98	129%	334%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(170,13)	-	45,07	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	(152,28)	-	52,48	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(167,49)	-	43,16	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	(152,28)	-	52,48	-	-
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	75,39	80,00	97,71	122%	130%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	7,72	26,00	62,58	241%	811%
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,07	9,35	11,14	119%	111%
	<i>Công ty mẹ</i>		12,50	12,50	16,00	128%	128%

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.428,26 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch năm 2021 và bằng 78% so với năm 2020; Riêng Công ty mẹ thực hiện 217,92 tỷ đồng, đạt 48% kế hoạch năm 2021 và bằng 88% so với năm 2020.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 2.289,56 tỷ đồng, đạt 166% kế hoạch năm 2021 và bằng 141% so với năm 2020; Riêng Công ty mẹ thực hiện 871,98 tỷ đồng, đạt 129% kế hoạch năm 2021 và bằng 334% so với năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 45,07 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 43,16 tỷ đồng.
 - Công ty mẹ lãi 52,48 tỷ đồng, chủ yếu từ các nguồn sau:
 - + (i) Lãi từ việc hoàn thành công tác thoái toàn bộ phần vốn góp của PetroCons tại Petroland: 53,09 tỷ đồng và lãi từ hoạt động xây lắp thi công tại Dự án Học viện An ninh: 1,67 tỷ đồng;
 - + (ii) Hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư tài chính 108,69 tỷ đồng (cụ thể: hoàn nhập trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính từ việc thoái vốn Petroland 107,67 tỷ đồng và hoàn nhập trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính từ các đơn vị khác 1,02 tỷ đồng);
 - + (iii) Hoàn nhập trích lập dự phòng công nợ phải thu 31,02 tỷ đồng;
- Bên cạnh đó, trong năm các khoản chi phí phát sinh đã làm giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty mẹ, như: trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính 45,02 tỷ đồng do các đơn vị tiếp tục thua lỗ: lỗ từ chi phí quản lý Cơ quan Công ty mẹ (61,59 tỷ đồng), lỗ từ Dự án NMNĐ Thái Bình 2 (26,00 tỷ đồng), từ các hoạt động tài chính, SXKD khác (khoảng 8,24 tỷ đồng), Chi nhánh phía Bắc lỗ 1,14 tỷ đồng,
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PetroCons tại thời điểm 31/12/2021 là 417,75 tỷ đồng, tăng 14% so với thời điểm đầu năm. Hệ số bảo toàn vốn của Công ty mẹ PetroCons đạt 1,14.
 - Lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021 là 3.659,70 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, gồm 7 thành viên, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức danh	Tỷ lệ đại diện vốn của Tập đoàn	Ghi chú
1	Phan Tử Giang	07/6/1972	Hà Tĩnh	P14-B6 TT Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	Kỹ sư chế tạo máy điện và Thiết bị điện	Tổng giám đốc		
2	Chu Thanh Hải	06/12/1975	Thái Bình	Phòng 10, E4-CT8 Khu đô thị Mỹ Đình Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Tiến sĩ Kinh tế Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Cử nhân Kinh tế	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc	14,47%	
3	Nguyễn Văn Đồng	30/4/1965	Bình Định	TL06-28 Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Phó Tổng giám đốc		
4	Nguyễn Trung Trí	15/5/1972	Cà Mau	340 Lê Hồng Phong, Phường 8, thành phố Cà Mau	Thạc sĩ QTKD Kiến trúc sư Cử nhân chính trị	Phó Tổng giám đốc		
5	Bùi Sơn Trường	24/3/1970	Nghệ An	Số 20 ngõ 158 Hoàng Văn Thái, Thanh Xuân,	Thạc sĩ QTKD Kỹ sư - ngành cơ	Phó Tổng giám đốc		

				Hà Nội	khí chế tạo máy			
6	Nguyễn Anh Tuấn	20/01/1970	Thái Bình	Số 9 đường Nguyễn Thái Học, phường Hiệp Phú, Quận 9, TP HCM	Thạc sĩ Cơ điện tử Kỹ sư Thiết bị điện	Phó Tổng giám đốc		
7	Vũ Mạnh Quang	12/01/1979	Nam Định	Số 8, ngõ 100 Phú Viên, Phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội	Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt Kỹ sư Nhiệt điện	Phó Tổng giám đốc		
8	Nguyễn Đức Tuấn	06/4/1975	Hà Tĩnh	Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính Tín dụng	Kế toán trưởng		

- Những thay đổi trong Ban điều hành (trong năm 2021):

+ Ông Vũ Chí Cường thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 01/6/2021;

+ Tiếp nhận và bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Tuấn giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 03/6/2021;

+ Ông Lương Đình Thành thôi giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 06/8/2021;

+ Tiếp nhận và bổ nhiệm ông Phan Tử Giang giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 06/8/2021;

+ Tiếp nhận và bổ nhiệm ông Vũ Mạnh Quang giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 16/9/2021;

- Số lượng CBCNV: Tổng công ty PetroCons tính đến 31/12/2021 có 1618 CBCNV trong đó tại Công ty mẹ Tổng công ty có 232 CBCNV. Không có chính sách thay đổi.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Đầu tư bất động sản, xây dựng cơ bản, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị

- Năm 2021, Công ty mẹ PetroCons và các Công ty con của PetroCons không thực hiện đầu tư.

3.2 Đầu tư tài chính

- Năm 2021, PetroCons không thực hiện đầu tư tài chính bổ sung và thực hiện thoái toàn bộ phần vốn góp tại đơn vị Petroland gồm 36.014.630 cổ phần, giá chuyển nhượng là 11.700 đồng/cổ phần. Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty mẹ PetroCons có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 206,20 tỷ đồng.

- Năm 2021, trong 7 Công ty con của PetroCons có 3 đơn vị hoạt động có lãi là PVC-MS lãi 1,21 tỷ đồng, PVC- Bình Sơn lãi 0,1 tỷ đồng và PVC- Đông Đô lãi 1,05 tỷ đồng. 4 đơn vị còn lại có kết quả kinh doanh thua lỗ năm 2021: PVC-IC lỗ 30,32 tỷ đồng, DOBC lỗ 10,53 tỷ đồng, PVC-Thái Bình lỗ 34,02 tỷ đồng và PVC-Mekong lỗ 5,79 tỷ đồng.

- Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2021 là 1.608,00 tỷ đồng bằng 69% tổng giá trị đầu tư tài chính của PetroCons. Trong năm 2021, Công ty mẹ PetroCons được hoàn nhập chi phí đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với tổng giá trị là 63,67 tỷ đồng, trong đó phần hoàn nhập từ việc thoái vốn Petroland là 107,67 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ Tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng giảm
A	1	2	3=2/1
1. Tổng giá trị tài sản	7,984,240,852,082	6,589,039,954,417	0.83
2. Doanh thu thuần	1,554,927,414,109	2,062,510,444,220	1.33
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(171,697,085,557.00)	19,929,980,108	(0.12)
4. Lợi nhuận khác	1,604,511,414.00	25,142,119,789	15.67
5. Lợi nhuận trước thuế	(170,092,574,143.00)	45,072,099,897	(0.26)
6. Lợi nhuận sau thuế	(167,456,257,885)	43,155,213,149	(0.26)
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(243)	181.00	(0.74)
8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ Tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
A	1	2	3
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0.93	0.91	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0.52	0.60	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.84	0.87	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	5.45	6.77	

Chỉ Tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	0.58	1.25	
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu Thuần/Tổng tài sản bình quân	0.044	0.071	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0.11)	0.02	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0.14)	0.05	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0.02)	0.007	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0.11)	0.010	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Vốn điều lệ của Tổng công ty Petrocons là: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ Tổng công ty được chia thành 400.000.000 (Bốn trăm triệu) cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

Tất cả các cổ phần của Tổng công ty đều là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông:

Trong 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn) vốn điều lệ; Vốn nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 đồng tương đương 217.873.333 cổ phần, chiếm 54,47%.

* 03 thành viên HĐQT là Người đại diện quản lý vốn của Tập đoàn tại PETROCONS là:

+ Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện quản lý 25% VDL tương đương 100.000.000 cổ phần.

+ Ông Trần Hải Bằng - Ủy viên Hội đồng quản trị đại diện quản lý 15% VDL tương đương 60.000.000 cổ phần.

+ Ông Chu Thanh Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc đại diện quản lý 14,47% VDL tương đương 57.880.000 cổ phần.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm TCT Petrocons không thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

Lịch sử và các đợt tăng vốn kể từ khi thành lập/cổ phần hóa đến 31/12/2021:

Tiền thân của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam là *Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí*, được thành lập ngày 14/9/1983, theo quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983) với nhiệm vụ chủ yếu là chuẩn bị

cơ sở vật chất phục vụ cho ngành Dầu khí. Trong giai đoạn từ khi thành lập đến năm 1990, Xí nghiệp đã từng bước khắc phục những khó khăn ban đầu, thực hiện những thay đổi trong bộ máy quản lý, phương thức chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tiến độ và chất lượng các công trình của ngành.

Năm 1990, khi Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam được thành lập (tiền thân của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam), Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí là đơn vị chủ lực của ngành Dầu khí đảm nhiệm vai trò thực hiện các công trình thiết kế và xây lắp dầu khí. Năm 1995, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC). Trong giai đoạn 1990 – 1997, Xí nghiệp liên hiệp Xây lắp Dầu khí đã hoàn thành có chất lượng trên 20 chân đế các giàn khoan cố định và hoàn thành trên 10 khối chân đế cho các cụm DK1 (nhà nổi) trên thềm lục địa phía nam và ở quần đảo Trường Sa, góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh vùng biển của Tổ quốc. Công ty cũng đã xây dựng, lắp đặt thành công hệ thống đường ống dẫn khí từ mỏ Bạch Hổ vượt 100km đường biển và 20 km trên đất liền để vận hành nhà máy điện Bà, qua đó khẳng định vai trò của chuyên ngành xây dựng Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp.

Ngày 17/3/2005, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt Đề án và quyết định chuyển đổi Công ty PVECC thành Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí và ngày 1/4/2006, sau gần 2 năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, công ty đã chính thức đi vào hoạt động. Năm 2007, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam đã ký nghị quyết số 3604/NQ-DKVN về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS).

- 21/11/2007 Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí với Vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.
- 27/6/2008 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.
- 16/5/2009 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) thông qua kế hoạch niên yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- 19/8/2009 Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam thực hiện niêm yết 150.000.000 cổ phiếu với mã cổ phiếu là PVX trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 20/01/2010 Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.
- Tăng vốn điều lệ của PETROCONS từ 2.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 338/NQQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 23/4/2011 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011. Kết quả đợt tăng: 4.000 tỷ đồng. Cụ thể Vốn điều lệ qua các năm:
- Năm 2007: 150 tỷ đồng.
- Năm 2008: 1.500 tỷ đồng.
- Năm 2009: 1.500 tỷ đồng.
- Năm 2010: 2.500 tỷ đồng.
- Năm 2011: 2.500 tỷ đồng.
- Năm 2012 đến 31/12/2021: 4.000 tỷ đồng.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: Không

e. *Các chứng khoán khác*: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. *Tác động lên môi trường*: Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đều không ảnh hưởng đến môi trường.

6.2. *Quản lý nguồn nguyên liệu, vật liệu*: Các nguồn nguyên liệu, vật liệu được quản lý theo yêu cầu về bảo vệ môi trường và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

6.3. *Tiêu thụ năng lượng*: Không đáng kể, không ảnh hưởng đến môi trường.

6.4. *Tiêu thụ nước*: Không đáng kể, không ảnh hưởng đến môi trường.

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ nghiêm túc các quy định và pháp luật nhà nước về bảo vệ môi trường.

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động*:

a) Số lượng lao động: Tổng công ty PetroCons tính đến 31/12/2021 có 1618 CBCNV trong đó tại Công ty mẹ Tổng công ty có 232 CBCNV.

- Thu nhập bình quân đầu người trong toàn Tổng công ty đạt 11,1 triệu đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi: Thực hiện nghiêm túc công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, người lao động.

c) Hoạt động đào tạo: Năm 2021, Tổng công ty triển khai thực hiện đào tạo 702 lượt người với tổng chi phí đào tạo là 960 triệu đồng. Trong đó, Công ty mẹ cử 42 lượt người tham gia các khóa đào tạo do Tập đoàn tổ chức. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid và do việc phải thực hiện quy định về đấu thầu để lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo theo quy trình đào tạo tại Quyết định 1491/QĐ-DKVN ngày 30/3/2020 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các khóa đào tạo do Tập đoàn hỗ trợ kinh phí.

6.7. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*: Đã tham gia tất cả hoạt động của địa phương theo yêu cầu:

- Thực hiện nghiêm túc công tác Quân sự, An ninh - Quốc phòng, Dân quân tự vệ. Tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ, tham gia công tác giáo dục bồi dưỡng kiến thức ANQP, huấn luyện quân sự và các hoạt động Quốc phòng khác tại địa phương.

- Phối hợp với Công An địa phương thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ An ninh – Tổ quốc trong năm 2021.

6.8. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN*: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

Kết quả hoạt động SXKD của PetroCons đã được nêu tại phần II- Kết quả hoạt động SXKD trong năm. Năm 2021, hoạt động SXKD của PetroCons tập trung chủ yếu tại các dự án/ công trình trọng điểm: NMNĐ Thái Bình 2, NMNĐ Sông Hậu 1, công trình Học viện An ninh Nhân dân, PVC-MS thực hiện các gói thầu tại dự án Hóa dầu Long Sơn và một số nhỏ các công trình/dự án nhỏ lẻ khác được các đơn vị thành viên như PVC-MS, DOBC, PVC-Bình Sơn thực hiện.

Các dự án trọng điểm đang được tiếp tục triển khai như sau:

+ *Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2*: Đến 29/12/2021, tiến độ tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 đạt 87,05%, tăng 1,18% so với thời điểm cuối năm 2020. Đến thời điểm 28/3/2021, tiến độ thi công của hợp đồng EPC NMNĐ Thái Bình 2 đạt 90,51%, trong đó tiến độ thi công xây lắp đạt 90,29%, công tác mua sắm và hợp đồng đạt 96,46%, công tác chạy thử đạt 33,75%. Trong năm 2021, PetroCons đã được Tập đoàn phê duyệt điều chỉnh một số mốc tiến độ chính của hợp đồng và hoàn thành ký kết các phụ lục bổ sung số 34 (Điều chỉnh một số mốc thanh toán), phụ lục số 35, 37, 38 (điều chỉnh một số phạm vi công việc) và phụ lục số 36 (điều chỉnh tỷ lệ tạm thanh toán tại một số phần công việc). Để triển khai dự án, trong năm 2021, PetroCons đã ký kết 18 hợp đồng với các thầu phụ với tổng giá trị khoảng 29,74 tỷ đồng.

Tổng giá trị dở dang của hợp đồng EPC NMNĐ Thái Bình 2 ước đến 31/12/2021 là 1.097,66 tỷ VNĐ đồng và 8,36 triệu USD. Trong đó tập trung phần lớn ở công tác thi công xây dựng (822,03 tỷ đồng), công tác mua sắm thiết bị trong nước và vận chuyển (140,12 tỷ đồng), công tác lắp đặt (127,18 tỷ đồng), thiết kế SDC và thiết kế xây dựng của WP (2,33 triệu USD); chi phí chạy thử SDC (1,94 triệu USD) và các hạng mục khác,...

+ *Dự án Viện Dầu khí phía Nam*:

- Giai đoạn 1: Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Trong năm 2021, PetroCons đã phối hợp với Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng hoàn thành hồ sơ quyết toán và đang chờ Tập đoàn ký quyết toán. PetroCons đã xuất hoá đơn điều chỉnh giảm giá trị khối lượng hoàn thành 27,69 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2: Tính đến thời điểm 31/12/2021, giá trị sản lượng tại dự án đạt 49 tỷ đồng, giá trị nghiệm thu lên phiếu giá là 40 tỷ đồng. Tại dự án, chủ đầu tư chậm giải ngân (đến 31/12/2021 mới giải ngân 1 đợt với giá trị 14,71 tỷ đồng) dẫn đến khó khăn về nguồn tài chính để thực hiện dự án. Nhà thầu PVC- Bình Sơn đã phải tạm dừng thực hiện dự án từ cuối tháng 12/2019 đến cuối tháng 02/2022 mới trở lại thi công. Dự kiến hoàn thành công tác thi công trong quý II/2022.

+ *Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1*:

- *Gói thầu xử lý nền*: Đã hoàn thành công tác thi công, ký nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2016. Liên danh nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định hợp đồng. Tuy nhiên, đến nay tổng thầu Lilama chưa thanh toán giá trị hoàn thành cho PetroCons theo Hồ sơ thanh toán (HSTT) đợt 17 (giá trị này đã được các bên ký HSTT và Chủ đầu tư đã thanh toán cho tổng thầu) đồng thời, không đồng ý thanh toán 5% giá trị giữ lại và quyết toán/thanh lý hợp đồng.
 - *Gói thầu các hạng mục xây dựng*: Toàn bộ công tác thi công trên công trường đã hoàn thành và đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu thanh/quyết toán hợp đồng. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn vướng mắc. Chủ đầu tư đã xây dựng định mức do Viện Kinh tế xây dựng vào tháng 10/2021, tuy nhiên đến nay các bên vẫn chưa thống nhất được đơn giá thanh toán. Phụ lục bổ sung (PLBS) số 13 ký ngày 30/12/2019 v/v điều chỉnh tăng tỷ lệ đơn giá tạm thanh toán đến 90% và PLBS số 16 ký ngày 08/7/2021 về việc thống nhất một số nội dung liên quan đến cơ chế thu hồi giá trị tạm thanh toán khi thực hiện điều chỉnh tỷ lệ đơn giá tạm thanh toán đã ký từ lâu nhưng đến nay PetroCons vẫn chưa được thanh toán đến 90% đơn giá của tất cả các đợt và chưa được Lilama/Chủ đầu tư xác nhận giảm trừ bảo lãnh thanh toán dẫn đến phát sinh nhiều chi phí tài chính cho việc duy trì bảo lãnh.
- *Các kết quả tích cực PetroCons đã đạt được trong năm 2021*:
- + Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty, 11 đơn vị trong Tổng công ty và tổ chức ĐHĐCĐ bất thường tại 01 đơn vị. Hoàn thành công tác lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT Tổng công ty và chuyển trụ sở của PetroCons.
 - + Hoàn thành thoái toàn bộ phần vốn góp tại Petroland, tổng giá trị thu về là tổng giá trị thu về là 421,37 tỷ đồng/367,50 tỷ đồng giá trị đầu tư. Lãi từ hoạt động thoái vốn là 53,09 tỷ đồng và hoàn nhập chi phí đã trích lập dự phòng cho Petroland 107,67 tỷ đồng.
 - + PetroCons tích cực trong công tác thu hồi công nợ, trong năm 2021 đã thu hồi/xử lý được 62,944 tỷ đồng công nợ, hạch toán hoàn nhập chi phí đã trích lập dự phòng phải thu 31,02 tỷ đồng.
 - + PetroCons/các đơn vị đã trả nợ cho Tập đoàn một phần nợ gốc khoản vay uỷ thác với giá trị 96,167 tỷ đồng.
 - + Tích cực, chủ động phối hợp, kiến nghị với PVN và được hỗ trợ giải quyết một số vướng mắc tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2 (Tập đoàn ban hành các Nghị quyết tiếp tục triển khai dự án, đã tiếp tục giải ngân thanh toán cho các công việc PetroCons đã hoàn thành, đã phê duyệt tiến độ cấp 3 của dự án, điều chỉnh mốc thanh toán, điều chỉnh giải pháp đảm bảo cho khoản tiền tạm ứng...).

Qua đó, nhiều hạng mục tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 đã được nghiệm thu giúp PetroCons hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu năm 2021.

+ Hoàn thành việc chuyển trụ sở Tổng công ty theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 301/NQ-XLTK-ĐHĐCĐ ngày 05/11/2021.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

* Công ty mẹ:

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2021 là 4.679,07 tỷ đồng giảm 332,52 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2021 do các chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn trong kỳ đều giảm, cụ thể: tài sản ngắn hạn giảm 25,4 tỷ đồng từ 3.791,77 tỷ đồng xuống 3.766,33 tỷ đồng; tài sản dài hạn giảm 307,08 tỷ đồng từ 1.219,817 tỷ đồng xuống 912,736 tỷ đồng.

- Sau 3 năm lỗ liên tiếp, năm 2021 Công ty mẹ PetroCons đã có lãi sau thuế chưa phân phối là 52,479 tỷ đồng và đã giảm lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối. Cụ thể: lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 01/01/2021 là 3.712,18 tỷ đồng, đến 31/12/2021 giảm xuống còn 3.659,7 tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021 biến động so với 01/01/2021 do các các chỉ tiêu chi tiết sau:

+ Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tiền và các khoản tương đương tiền) tăng trong kỳ 129,379 tỷ đồng từ 90,426 tỷ đồng lên 219,805 tỷ đồng. Các nguồn thu và chi năm 2021 của PetroCons được trình bày chi tiết tại báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ - Mẫu số B03-DN – thuộc Báo cáo tài chính Công ty mẹ). Tiền và các khoản tương đương tiền tại 31/12/2021 bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 59,233 tỷ đồng và 160 tỷ đồng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại NH Viettinbank với lãi suất từ 0,2%/năm đến 3,4%/năm và phục vụ chủ yếu cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và chi phí quản lý của Công ty mẹ Tổng công ty, bao gồm cả các khoản nợ lương CNCBV, nợ BHXH, các khoản nợ chế độ chính sách của CBCNV...

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn của PetroCons tại 31/12/2021 là 220,715 tỷ đồng, tăng 220 tỷ đồng so với 01/01/2021. Khoản đầu tư ngắn hạn tăng 220 tỷ đồng đến từ khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Viettinbank và BIDV với lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,8%/năm. Ngoài ra còn có khoản chứng khoán kinh doanh tại Công ty CP thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí là 14,6 tỷ đồng, trong đó đã được trích lập 13,885 tỷ đồng.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 240,844 tỷ đồng từ 1.616,956 tỷ đồng lên 1.857,848 tỷ đồng. Số liệu này biến động do tăng phải thu ngắn hạn tại BQL DA NMNĐ Thái Bình 2 là 211,08 tỷ đồng, tăng phải thu ngắn hạn khác là 104,39 tỷ đồng và giảm phải thu ngắn hạn tại Viện Dầu khí Việt Nam là 54,2 tỷ đồng, giảm phải thu tại PVNC là 19,55 tỷ đồng.

Ngoài ra, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn giảm 20,338 tỷ đồng từ 606,878 tỷ đồng xuống 586,549 tỷ đồng; giảm phải thu về cho vay ngắn hạn là 4,435 tỷ đồng từ 375,924 tỷ đồng xuống còn 371,489 tỷ đồng.

+ Về thu hồi công nợ:

PetroCons đã lập và xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/xử lý nợ trong năm 2021. Theo đó, đã phân công chi tiết nhiệm vụ, triển khai đến các Ban chức năng/Ban ĐHDA/Chi nhánh/Tổ công tác quyết toán/Các đơn vị để hoàn thành kế hoạch xử lý, thu hồi nợ năm 2021.

Trong năm 2021, Tổng công ty đã tập trung xử lý thu hồi được tổng số tiền 62,944 tỷ đồng đạt 22,7% kế hoạch năm, cụ thể: TID (0,5 tỷ đồng), PVNC (55,7 tỷ đồng), PVC-Đông Đô (3 tỷ đồng), PVC-MT (3,16 tỷ đồng), PVPOWER NT2 (0,58 tỷ đồng). Ngoài ra, PetroCons tiếp tục tập trung phối hợp, theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện xử lý công nợ để thu hồi một số khoản công nợ đang thực hiện/chưa hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra như: PVC-Đông Đô 3,9 tỷ đồng; Lũng Lô (6,67 tỷ đồng); TID (0,77 tỷ đồng); PVC-Mekong (2,76 tỷ đồng); thu hồi nợ PVNC thông qua thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 bằng việc mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2...; tiếp tục nghiên cứu thu hồi các khoản công nợ khác đủ điều kiện không nằm trong kế hoạch xử lý nợ năm 2021.

Đối với công nợ tạm ứng cá nhân: Tổng công ty đã có nhiều văn bản nhắc nhở, đôn đốc các đơn vị/cá nhân CBCNV hoàn tạm ứng, tuy nhiên số dư tạm ứng cá nhân tại Công ty mẹ - Tổng công ty và Ban ĐHDA/Chi nhánh là rất lớn (tính đến 31/12/2021, công nợ đến và quá hạn thanh toán là 7,31 tỷ đồng).

Đối với việc quyết toán các công trình, dự án trọng điểm của Tổng công ty đã thi công xong, bàn giao ở các giai đoạn trước: PetroCons đang rà soát lại hồ sơ công nợ, xây dựng phương án thu hồi.

Hiện số dư nợ chưa xử lý được theo kế hoạch chủ yếu là các khoản nợ liên quan đến quyết toán các dự án/công trình chậm/không hoàn thành so với tiến độ đề ra như: Khách Sạn Dầu khí Thái Bình 2, Chung cư Phú Đạt, DA Vũng Áng – Quảng Trạch; Các đơn vị thành viên vẫn đang rất khó khăn về tài chính chưa có khả năng thanh toán như: PVC-HN, PVNC, PVC-Mekong, PVC-ME, PVC-MT...; Ngoài ra một số đơn vị tiếp tục vẫn chưa thiện chí hợp tác để xử lý công nợ như: Vissai, Trường Sơn, PVR, PEC Hà Nội, IMICO...

Tổng công ty thường xuyên phát hành văn bản yêu cầu các đơn vị thanh toán dứt điểm các khoản công nợ đến và quá hạn cho PetroCons như: Vissai Ninh Bình, Lũng Lô, Lisemco, PVC Bình Sơn, PVC-MT, PVNC... Hiện đang đôn đốc thu hồi, rà soát, tập hợp các hồ sơ chứng từ để cung cấp theo yêu cầu của một số đơn vị nhằm giải quyết dứt điểm các khoản nợ tồn đọng giữa các bên như: PVC Bình Sơn, PVC MT, PVC IC, PVC-Đông Đô...

+ Tổng công ty xác định nợ xấu tại 31/12/2021 là 892,443 tỷ đồng (giá trị được xác định có thể thu hồi bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi giá trị dự phòng của các khoản phải thu này). Giá gốc: 1.002,546 tỷ đồng; giá trị có thể thu hồi: 110,1 tỷ đồng - Chi tiết tại mục 10: Nợ xấu – trang 23 – Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2021 của PetroCons.

+ Hàng tồn kho giảm 579,344 tỷ đồng chủ yếu do chi phí SXKD dở dang trong kỳ biến động giảm ở Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: 577,504 tỷ đồng, biến động tăng ở nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: 9,33 tỷ đồng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho không phát sinh trong năm 2021. Số dự phòng đầu năm và tại 31/12/2021 đều là 21,9 tỷ đồng.

+ Trong năm 2021, PetroCons ghi nhận tăng 76 triệu đồng thiết bị, công cụ quản lý và ghi giảm 2,374 tỷ đồng do thanh lý nhượng bán ô tô. Nguyên giá TSCĐ ghi nhận tại 31/12/2021 là 80,148 tỷ đồng. Nguyên giá các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 57,378 tỷ đồng, tăng 12,113 tỷ đồng so với 31/12/2020.

Nguyên giá TSCĐ vô hình (chương trình phần mềm) tại 31/12/2022 là 5 tỷ đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4,652 tỷ đồng.

+ Tài sản dở dang dài hạn của Công ty mẹ PetroCons không biến động trong kỳ khi giá trị thuần có thể thực hiện được đầu năm và cuối năm không đổi là 24,4 tỷ đồng và giá gốc là 71,051 tỷ đồng, cụ thể:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị thuần có thể thực hiện được</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị thuần có thể thực hiện được</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
Dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
Các công trình khác	7.329.825.521	1.618.216.162	7.329.825.521	1.618.216.162
	71.051.054.915	24.471.433.315	71.051.054.915	24.471.433.315

+ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2021 là 143,82 tỷ đồng không thay đổi so với thời điểm 01/01/2021, cụ thể: chi mua sắm máy móc thiết bị: 10,135 tỷ đồng; cho xây dựng cơ bản là 133,692 tỷ đồng ở 4 công trình, dự án: Dự án khu đô thị đại học Dầu khí: 3,883 tỷ đồng; dự án Soài Rạp – Tiền Giang: 127,973 tỷ đồng; dự án Tiền Giang: 1,835 tỷ đồng.

+ Trong năm 2021, đầu tư tài chính dài hạn của PetroCons (đầu tư vào công ty con) có 3/7 đơn vị hoạt động có lãi là PVC MS, PVC Đông Đô, PVC Bình Sơn

(trong khi tại 31/12/2020 chỉ có 1/8 đơn vị có hoạt động kinh doanh có lãi là PVC MS). Giá trị vốn góp tại 31/12/2021 là 1.384,9 tỷ đồng giảm 367,5 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2021.

Giá trị PetroCons đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết tại 31/12/2021 là 735,449 tỷ đồng (11 đơn vị). Tại 31/12/2020, tất cả 11 đơn vị đều có kết quả kinh doanh thua lỗ. Đến 31/12/2021, có 1/11 đơn vị hoạt động có lãi là PVC Duyên Hải. Tuy nhiên PetroCons không thu thập được báo cáo Tài chính tại 7 đơn vị: PVC ME, PVC HN, PVC Sài Gòn, PVC Lam Kinh, PVC ID, Herrim PVC và Công ty CPTM và truyền thông LM Dầu Khí.

Giá trị vốn góp PetroCons thực hiện đầu tư vào các đơn vị khác (7 đơn vị) là 206,2 tỷ đồng tại 31/12/2021.

+ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại 31/12/2021 giảm 63,67 tỷ đồng từ 1.657,79 tỷ đồng xuống 1.594,12 tỷ đồng (Chi tiết Mục 19 – Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn – trang 32,33 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán năm 2021) do trích lập/hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính tại các công ty có vốn góp của PetroCons, cụ thể: Trích lập dự phòng 45 tỷ đồng tại ĐOBC 5,3 tỷ đồng; PVC IC 15,46 tỷ đồng; PVC Thái Bình 24,5 tỷ đồng và hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính 108,69 tỷ đồng tại PVC MS 615 triệu đồng; PVC Bình Sơn 47,9 triệu đồng; PVC Đông Đô 236,1 triệu đồng; Petroland 107,665 tỷ đồng; PVC Duyên Hải 385 triệu đồng; Petrolink 126,4 triệu đồng.

Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long với số tiền 219,7 tỷ dựa trên thông tin báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào PVC-Duyên Hải, PVC-TH và PVNC với tổng số tiền khoảng 155,9 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được kiểm toán. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Đối với các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 519,3 tỷ VND và 486,1 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo

cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Toàn tổ hợp:

- Tổng tài sản tại 31/12/2021 là 6.589,039 tỷ đồng giảm 1.395,2 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2021.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2021 là lỗ 3.881,614 tỷ đồng giảm lỗ 72,564 tỷ đồng so với tại thời điểm 01/01/2021. Lý do: Tại 07 công ty con PetroCons nắm quyền chi phối: Có PVC-MS và PVC- Đông Đô thực hiện vượt mức kế hoạch doanh thu năm 2021. Các đơn vị còn lại không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu đã đề ra. Về chỉ tiêu lợi nhuận, có 03/07 đơn vị hoạt động có lãi là PVC-MS (lợi nhuận đạt 1,21 tỷ đồng), PVC-Đông Đô (lợi nhuận đạt 1,05 tỷ đồng) và PVC-Bình Sơn (lợi nhuận đạt 0,1 tỷ đồng). Các đơn vị còn lại tiếp tục thua lỗ do: thiếu hụt nguồn công việc; các khoản thu không bù đắp được các khoản chi phí (chi phí tài chính, chi phí hoạt động thường xuyên, trích lập dự phòng,...); tại PVC- IC phải hạch toán giảm trừ doanh thu sau quyết toán công trình. Cụ thể: PVC-IC lỗ 30,32 tỷ đồng, DOBC lỗ 10,53 tỷ đồng, PVC-Thái Bình lỗ 34,02 tỷ đồng và PVC-Mekong lỗ 5,79 tỷ đồng.

b. Tình hình nợ phải trả:

Các hệ số liên quan chỉ tiêu thanh toán lần lượt tại Công ty mẹ và toàn tổ hợp:

- + Tổng nợ phải trả/Vốn CSH: 10,2 lần/6,8 lần
- + Hệ số thanh toán tổng quát là 1,1 lần/1,1 lần
- + Hệ số thanh toán hiện thời là 0,9 lần//1,0 lần
- + Hệ số thanh toán nhanh là 0,03 lần/0,1 lần

- Nợ phải trả của PetroCons tại 31/12/2021 giảm 385 tỷ đồng từ 4.646,32 tỷ đồng xuống 4.261,32 tỷ đồng do các nguyên nhân sau:

Nợ ngắn hạn giảm 383,53 tỷ đồng từ 4.518,802 tỷ đồng xuống còn 4.135,26 tỷ đồng do phải trả người bán ngắn hạn giảm 267,136 tỷ đồng; người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 22,2 tỷ đồng; chi phí phải trả ngắn hạn giảm 29,9 triệu đồng; tăng thuế phải nộp nhà nước là 38,15 tỷ đồng (chủ yếu là Thuế GTGT hàng bán nội địa) và phải trả ngắn hạn khác tăng là 27,85 tỷ đồng. (chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính Công ty mẹ sau kiểm toán năm 2021 – Trang 35, mục 22).

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: Tại ngày 31/12/2021, dư vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của PetroCons là 685,421 tỷ đồng, tăng trong kỳ là 97,667 tỷ đồng và giảm trong kỳ là 283,314 tỷ đồng so với tại thời điểm 01/01/2021. Tất cả các khoản vay và nợ thuê tài chính đều được đánh giá là có khả năng trả nợ:

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/2084729/HĐTD ngày 29 tháng 9 năm 2021 với hạn mức 880 tỷ VND và thời hạn cấp tín dụng 30 tháng 9 năm 2022

nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Khoản vay này được đảm bảo theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này. Các khoản vay được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nợ không quá 11 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Lãi suất áp dụng cho những khoản vay những năm trước là 8.4%. Lãi suất áp dụng cho những khoản vay phát sinh trong kỳ này là 7.5% và 5.5%.

(**) Vay dài hạn đến hạn trả phản ánh khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán cho khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lỗ lũy kế của Công ty mẹ Tổng Công ty là 3.659,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.712,2 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 368,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 727 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay là khoảng 594,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 690,4 tỷ VND). Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch để đảm bảo khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2021, Tổng công ty PetroCons không có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	1.428,26	1.250,00
	Công ty mẹ	tỷ đồng	217,92	600,00
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.289,56	1.560,00
	Công ty mẹ	tỷ đồng	871,98	830,00
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	45,07	-
	Công ty mẹ	tỷ đồng	52,48	-
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	43,16	-
	Công ty mẹ	tỷ đồng	52,48	-
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	97,71	104,0
	Công ty mẹ	tỷ đồng	62,58	33,00
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	11,14	10,17
	Công ty mẹ	Tr.đ/ tháng	16,00	12,50

4.2 Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022:

- Xây dựng phương án tái cơ cấu PetroCons giai đoạn 2021-2025 và triển khai phương án tái cơ cấu sau khi được các cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Hoàn thành thoái vốn góp của Công ty mẹ tại PVC-IC và các đơn vị thành viên khác theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn; có kế hoạch sử dụng tiền thoái vốn tại các đơn vị đúng mục đích, phù hợp với các quy định hiện hành (bao gồm cả việc trả nợ vay ủy thác PVN).
- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy điều hành từ Tổng công ty tới các Ban điều hành dự án, đồng thời tổ chức sắp xếp lại nhân sự dự án, lao động cho phù hợp, nhằm nâng cao năng suất lao động và tiết giảm chi phí quản lý đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2022.
- Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung nâng cao năng lực thi công, khả năng cạnh tranh, hạn chế mức độ phụ thuộc vào các dự án trong ngành.
- Đối với Dự án NMNĐ Thái Bình 2: Nâng cao trách nhiệm của Tổng thầu EPC, chủ động xử lý/giải quyết công việc theo phạm vi hợp đồng đã ký, bám sát cấp có thẩm quyền để xin hướng dẫn thực hiện các khó khăn vướng mắc còn tồn tại, tháo gỡ các khó khăn về dòng tiền đảm bảo đưa nhà máy vào vận hành trong năm 2022; Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán để quay vòng dòng tiền triển khai thi công dự án; Rà soát hiện trạng, đánh giá lại năng lực thi công, tài chính để có phương án triển khai các hạng mục công việc còn lại. Cân đối nguồn vốn, để chủ động cho các công việc phát sinh

trong giai đoạn chạy thử, nghiệm thu. Xây dựng phương án quản trị rủi ro đối với các nhà cung cấp thiết bị nước ngoài; Khẩn trương rà soát, báo cáo chủ đầu tư các hạng mục công việc thuộc Phần giá điều chỉnh cần phải chuyển sang Phần giá trọn gói mà không vượt giá trị tương ứng tại Hợp đồng EPC đã ký kết nhằm tối ưu hóa hiệu quả công việc thi công/nghiệm thu/thanh toán, đặc biệt đẩy nhanh thời gian thực hiện.

- Hoàn thành công tác thi công các hạng mục công trình tại giai đoạn 2 và quyết toán toàn bộ Dự án Trung tâm phân tích thí nghiệm và văn phòng Viện Dầu khí tại Tp. Hồ Chí Minh.
- Hoàn thành công tác quyết toán các gói thầu tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1, công trình Học viện An ninh nhân dân.
- Chủ động làm việc và thực hiện yêu cầu của các cấp có thẩm quyền để sớm thu hồi tối đa chi phí đã đầu tư tại Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 6161/VPCP-CN ngày 29/7/2020, phù hợp với quy định pháp luật.
- Đôn đốc PVC-IC cân đối nguồn tiền, xử lý dứt điểm việc thanh toán công nợ với Tập đoàn tại Dự án Văn phòng và phòng học, nhà công vụ cho giáo viên và kỹ túc xá sinh viên- Trường Cao đẳng nghề Dầu khí.
- Chỉ đạo quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình, thu hồi nợ cá nhân bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/gói thầu/hạng mục công việc, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng vốn từ Công ty mẹ tới các doanh nghiệp có vốn góp.
- Thường xuyên thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá và giám sát tình hình hoạt động, tài chính của các doanh nghiệp có vốn góp của PetroCons để có các giải pháp hỗ trợ và xử lý kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của Công ty mẹ.
- Xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, đặc biệt việc xử lý công nợ và vật tư tài sản tồn đọng.
- Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid 19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương và Tập đoàn ban hành. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến của dịch bệnh Covid-19, xây dựng kế hoạch thích ứng an toàn, kiểm soát dịch bệnh đảm bảo phù hợp chiến lược chuyển trạng thái kinh tế - xã hội của Chính phủ và đặc thù của đơn vị, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.
- Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và xây dựng hệ thống ERP, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của PVN.

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, cân đối dòng tiền và quản trị rủi ro.
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân sự, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công để có thể triển khai các công trình/ dự án trọng điểm của Tập đoàn và của các chủ đầu tư giao, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ của Tổng công ty.
- Cân đối dòng tiền, có kế hoạch hoàn trả vốn ủy thác mà Tập đoàn đã cho PetroCons và các công ty con vay theo đúng quy định và pháp luật hiện hành.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán – Báo cáo tài chính năm 2021.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán của Petrocons, Petrocons chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2021 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó Petrocons đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để thực hiện đánh giá các khoản đầu tư theo đúng quy định. Petrocons tin tưởng rằng, việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Kiểm toán viên đã đưa ra điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, chúng tôi khẳng định rằng điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ, từ chối. Các điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do chúng tôi đã cung cấp đầy đủ và toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 31/12/2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Để khắc phục khó khăn và giảm lỗ lũy kế trong thời gian tới, Ban lãnh đạo Tổng công ty đã có định hướng và giải pháp khắc phục như sau:

Ban lãnh đạo Tổng công ty nhận thức rõ Tổng công ty đang gặp khó khăn và đã từng bước vượt qua. Do vậy, cùng với sự ủng hộ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, Tổng công ty đã rất tích cực trong việc rà soát, xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn, khôi phục và ổn định hoạt động SXKD. Một số giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Quyết liệt trong công tác điều hành thi công trên tất cả các công trình/dự án mà Tổng công ty và các đơn vị trong Tổng công ty thực hiện;
- Tích cực thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm và bổ sung nguồn việc;
- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty theo đúng định hướng được Tập đoàn phê duyệt, theo hướng công ty Mẹ trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp, thực hiện vai trò định hướng hoạt động cho các công ty trực thuộc, thoái toàn bộ phần vốn góp tại các đơn vị không thuộc chuỗi ngành nghề hoạt động chính của Tổng công ty; nâng cao vai trò quản lý, giám sát và điều hành hoạt động SXKD đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị và hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty;
- Quyết liệt trong công tác rà soát, đối chiếu và thu hồi công nợ, xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi và xử lý công nợ cho từng tháng, từng quý, nhằm thu hồi vốn đảm bảo hoạt động SXKD, giảm tối đa chi phí tài chính do bị chiếm dụng vốn;
- Tích cực làm việc với Tập đoàn/đơn vị thành viên Tập đoàn và các cơ quan quản lý nhà nước để đẩy nhanh việc phê duyệt các chi phí phát sinh tại các dự án mà Tổng công ty đang tham gia;
- Chủ động và tích cực làm việc với các Ngân hàng/TCTD để cơ cấu lại các khoản nợ, đàm phán giảm lãi suất vay vốn và thu xếp đủ vốn phục vụ hoạt động SXKD trong thời gian tới.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, các chỉ tiêu môi trường không có tác động tiêu cực đến môi trường; Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Tổng công ty đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống góp phần đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, tăng năng xuất lao động.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* Chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, về khai thác tài nguyên, triển khai các giải pháp về đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo luôn tận dụng và hiệu quả việc sử dụng nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Tổng Công ty

Với những khó khăn được dự báo, năm 2021 tiếp tục là một năm đầy thách thức trở ngại đối với việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) của PetroCons.

Toàn bộ hệ thống bao gồm Công ty mẹ PetroCons và các đơn vị thành viên đã luôn phải đối diện với những tồn tại/hạn chế từ những năm trước để lại, cụ thể như:

- Công tác tìm kiếm nguồn việc mới gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng nguyên nhân từ năng lực nội tại của PetroCons và ảnh hưởng chung từ dịch bệnh Covid -19. Công ty mẹ và các đơn vị chủ yếu thực hiện các công trình/dự án chuyển tiếp từ các năm trước, giá trị còn lại rất thấp.
- Các dự án đang triển khai tiếp tục phát sinh các vướng mắc đặc biệt về cơ chế thanh toán, nguồn vốn thực hiện đã kéo theo tiềm ẩn rất nhiều các rủi ro, nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của dự án nói riêng, hiệu quả hoạt động SXKD của toàn PetroCons nói chung.
- Các chính sách tài chính thắt chặt khiến PetroCons và các đơn vị vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để triển khai thu xếp vốn cho các dự án.
- Việc quyết toán các dự án/công trình cũng gặp khó khăn vướng mắc tồn tại trong nhiều năm, Chủ đầu tư chưa xin được cơ chế hướng dẫn quyết toán. Công tác thu hồi/xử lý công nợ không tìm được giải pháp giải quyết do các đơn vị liên quan đến công nợ với PetroCons hầu hết là đang rất khó khăn về tài chính không có khả năng thanh toán.
- Có đến 4/7 đơn vị chi phối hợp nhất vào kết quả SXKD của PetroCons thua lỗ trong năm 2021 cũng đã dẫn đến Công ty mẹ tiếp tục phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.
- Công tác thoái vốn góp đầu tư tài chính đạt được kết quả đáng ghi nhận nhưng về tổng thể vẫn chưa đạt được như kế hoạch kỳ vọng do phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PetroCons đều thua lỗ nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng có nhiều khó khăn hoặc các đối tác đưa ra mức giá nhận chuyển nhượng quá thấp. Ngoài ra những vướng mắc thủ tục pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện cũng dẫn đến quá trình thoái vốn kéo dài.

Mặc dù trong bối cảnh khó khăn như đã nêu trên, tuy nhiên với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn/PVN) cũng như quyết tâm, nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên (CBCNV), PetroCons cũng bước đầu đạt được một số kết quả tích cực, hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và có lãi.

Tình hình thực hiện một số nhiệm vụ năm 2021 như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty, 11 đơn vị trong Tổng công ty và tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường tại 01 đơn vị. Hoàn thành công tác lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT Tổng công ty và chuyển trụ sở của PetroCons.

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Tổng công ty hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kinh tế năm 2021 (ngoại trừ chỉ tiêu Giá trị sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ Tổng công ty), sau nhiều năm liên tục thua lỗ, năm 2022 toàn tổ hợp PetroCons có lãi 45,07 tỷ đồng, Công ty mẹ PetroCons lãi 52,48 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PetroCons tại thời điểm 31/12/2021 là 417,75 tỷ đồng, tăng 14% so với thời điểm đầu năm. Hệ số bảo toàn vốn của Công ty mẹ PetroCons đạt 1,14.
- Tại Dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2: Tổng tiến độ thực hiện năm 2021 đạt khoảng 1,18%. Đến thời điểm 31/12/2021, tiến độ tổng thể của dự án đạt 87,05%. Trong năm 2021, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ, các Bộ/Ngành và Chủ đầu tư đặc biệt quan tâm, chú trọng nhằm đẩy nhanh tiến độ của dự án. Vào ngày 23/02/2022, dự án đã hoàn thành mốc đốt dầu lần đầu của Tổ máy số 1.
- Công tác thoái vốn, tái cơ cấu:
 - + Trong năm 2021, PetroCons đã hoàn thành công tác thoái toàn bộ 36.014.630 cổ phần sở hữu tại tại Petroland, thu về 421,37 tỷ đồng/367,50 tỷ đồng giá trị đầu tư.
 - + Tiếp tục tìm kiếm các đối tác nhằm trong theo kế hoạch Tái cơ cấu PetroCons đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tuy nhiên, công tác tái cơ cấu, thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PetroCons đều thua lỗ/có giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, cơ chế hướng dẫn đối với việc thoái phần vốn góp tại các đơn vị chưa rõ ràng cũng gây ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch thoái vốn của PetroCons.
 - + Về kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 của PetroCons: Ngày 30/06/2021, ĐHĐCĐ PetroCons đã thông qua Tờ trình số 133/TTr-XLTK tại Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK về kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu giai đoạn 2016-2020 và ủy quyền cho HĐQT PetroCons thông qua và tổ chức triển khai kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025, báo cáo Đại hội kết quả thực hiện việc ủy quyền theo quy định. Hiện nay, hiện PetroCons đang rà soát, đánh giá và xây dựng phương án tái cơ cấu đối với các đơn vị và sẽ báo cáo ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành.
 - + Công tác thoái vốn tại các dự án của đơn vị: PVC-Đông Đô đã thực hiện thành công bán đấu giá phần vốn góp của đơn vị tại Dự án Xuân Phương, thu về 121,41 tỷ đồng.
- Về công tác thu hồi/xử lý công nợ:

- + Trong năm 2021, PetroCons đã xử lý thu hồi công nợ được tổng số tiền 62,944 tỷ đồng, đạt 22,7% kế hoạch đề ra. Số dư nợ chưa xử lý được theo kế hoạch chủ yếu là các khoản nợ tại các dự án/công trình chưa hoàn thành công tác quyết toán.
- + Còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi đến hạn/quá hạn giữa Tổng công ty và các đơn vị, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PetroCons hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp, do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PetroCons.
- Đối với các khoản vay vốn ủy thác của Tập đoàn: Năm 2021, PetroCons đã trả nợ gốc vay ủy thác được 96,167 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2021, số dư các khoản nợ vay ủy thác của PetroCons/các đơn vị phải trả PVN là: ((i) Dư nợ gốc: 594,216 tỷ đồng trong đó PetroCons phải thu các đơn vị: 360,491 tỷ đồng (bao gồm: KS Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 140,61 tỷ đồng; PVNC: 19,881 tỷ đồng); khoản PetroCons sử dụng: 233,724 tỷ đồng. Lãi vay PetroCons còn phải trả PVN đến thời điểm 31/12/2021 là: 141,2 tỷ đồng trong đó: Lãi trong hạn PetroCons chưa thanh toán: 90,079 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả gốc: 45,285 tỷ đồng, phí phạt chậm trả lãi 5,838 tỷ đồng. PetroCons vẫn đang tiếp tục có văn bản gửi PVN đề nghị PVN trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận miễn giảm các khoản chi phí lãi vay ủy thác.
- Đầu tư tài chính:
 - + Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty mẹ PetroCons có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 206,20 tỷ đồng.
 - + Trong năm 2021, Công ty mẹ PetroCons được hoàn nhập chi phí đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với tổng giá trị là 63,67 tỷ đồng, trong đó phần hoàn nhập từ việc thoái vốn Petroland là 107,67 tỷ đồng. Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2021 là 1.608,00 tỷ đồng bằng 69% tổng giá trị đầu tư tài chính của PetroCons.
- Công tác lao động, tiền lương:
 - + Tổng số CBCNV đến thời điểm cuối năm 2021 của toàn Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và 07 đơn vị chi phối) là 1.618 người, riêng lao động tại Công ty mẹ là 232 người.
 - + Năm 2021, PetroCons có kết quả kinh doanh có lãi, năng suất lao động tăng, do vậy, thu nhập bình quân năm 2021 của lao động định biên toàn Tổng công ty cũng tăng so với kế hoạch. Thu nhập bình quân hợp nhất là 11,14

triệu đồng/người/tháng, bằng 119% kế hoạch năm. Thu nhập bình quân Công ty mẹ là: 16,0 triệu đồng/người/tháng, bằng 128% kế hoạch năm.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

- HĐQT theo sát và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ của Tổng công ty, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng giám đốc làm việc, tổ chức họp giao Ban thường xuyên với các đơn vị thành viên trực thuộc để chấn chỉnh các hoạt động SXKD theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.
- Ban Tổng giám đốc đã quyết liệt có các giải pháp để tháo gỡ tồn tại vướng mắc trong công tác nghiệm thu, tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, vướng mắc trong triển khai thực hiện hợp đồng với Chủ đầu tư cũng như với các nhà thầu phụ, đặc biệt tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2, đã đảm bảo hoàn thành mốc đốt dầu lần đầu vào đầu năm 2022.
- Ban Tổng giám đốc cũng có các giải pháp tích cực trong việc thoái phần vốn góp của PetroCons tại các đơn vị tham gia góp vốn, cân đối nguồn vốn trả nợ lương, bảo hiểm cho CBCNV tại Công ty mẹ Tổng công ty và tháo gỡ một phần khó khăn vướng mắc về dòng tiền tại các dự án của Tổng công ty.
- Ban Tổng giám đốc đã rà soát thực hiện lại quy chế/quy định nội bộ của Tổng công ty và thực hiện điều chỉnh nhằm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Tổng công ty và trình Hội đồng quản trị Tổng công ty xem xét, phê duyệt.

3. **Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2022**

3.1. **Kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế năm 2022:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021			Kế hoạch năm 2022
			Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	1.560,00	1.428,26	104%	1.250,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>255,00</i>	<i>217,92</i>	<i>48%</i>	<i>600,00</i>
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.442,00	2.289,56	166%	1.560,00

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021			Kế hoạch năm 2022
			Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	266,00	871,98	129%	830,00
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	45,07	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	-	52,48	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	43,16	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	-	52,48	-	-
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	64,00	97,71	122%	104,0
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	10,00	62,58	241%	33,00
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,75	11,14	119%	10,17
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tr.đ/ tháng</i>	12,50	16,00	128%	12,50

3.2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2022, HĐQT chỉ đạo triển khai đồng bộ, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

- Xây dựng phương án tái cấu trúc lại toàn bộ PetroCons, sắp xếp lại mô hình tổ chức từ Công ty mẹ Tổng công ty đến các Đơn vị thành viên, Công ty con, Công ty liên kết đảm bảo tinh gọn, hiệu quả theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Thực hiện thoái vốn góp tại các đơn vị khác tại thời điểm phù hợp đảm bảo không làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả SXKD của Tổng công ty.
- Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung nâng cao năng lực thi công, khả năng cạnh tranh để trở thành một nhà thầu EPC chuyên nghiệp có đủ kinh nghiệm và năng lực, có khả năng đảm nhiệm xây lắp các dự án lớn trong và ngoài ngành; mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, dần hạn chế mức độ phụ thuộc vào các dự án trong ngành.
- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy điều hành từ Tổng công ty tới các Ban điều hành dự án, đồng thời tổ chức sắp xếp lại nhân sự dự án, lao động cho phù hợp, nhằm nâng cao năng suất lao động và tiết giảm chi phí quản lý đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2022.
- Đối với Dự án NMNĐ Thái Bình 2: Nâng cao trách nhiệm của Tổng thầu EPC trong việc thực hiện hợp đồng EPC, theo đó chủ động xử lý/giải quyết công việc thuộc phạm vi hợp đồng EPC đã ký, chủ động bám sát cấp có thẩm quyền để xin hướng dẫn thực hiện các khó khăn vướng mắc còn tồn tại làm cơ sở đàm phán, điều chỉnh hợp đồng EPC; Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán để quay vòng dòng tiền triển khai thi công dự án; Rà soát hiện trạng, đánh giá lại năng lực thi công, tài chính,... để có phương án triển khai các hạng mục

công việc còn lại; Chủ động cân đối nguồn vốn, dự trù chi phí để sử dụng cho các công việc phát sinh trong giai đoạn chạy thử, nghiệm thu; Xây dựng phương án khi có rủi ro đối với các nhà cung cấp thiết bị nước ngoài.

- Đối với Dự án NMNĐ Sông Hậu 1: Tiếp tục thực hiện công tác thanh quyết toán gói thầu/hạng mục thuộc Dự án.
- Hoàn thành công tác thi công Viện Dầu khí phía Nam giai đoạn 2 và quyết toán toàn bộ Dự án giai đoạn 1.
- Chủ động làm việc và thực hiện các yêu cầu của các cấp có thẩm quyền để sớm thu hồi tối đa chi phí đã đầu tư tại Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 6161/VPCP-CN ngày 29/7/2020, phù hợp với quy định pháp luật.
- Đôn đốc PVC-IC cân đối nguồn tiền, xử lý dứt điểm việc thanh toán công nợ với Tập đoàn tại Dự án Văn phòng và phòng học, nhà công vụ cho giáo viên và ký túc xá sinh viên - Trường Cao đẳng nghề Dầu khí.
- Chỉ đạo quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình, thu hồi nợ cá nhân bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/gói thầu/hạng mục công việc, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng vốn từ Công ty mẹ tới các doanh nghiệp có vốn góp, đồng thời nâng cao năng lực hoạt động, tự chủ trong hoạt động SXKD, tránh lệ thuộc vào Công ty mẹ, đặc biệt về công ăn việc làm.
- Thường xuyên thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá và giám sát tình hình hoạt động, tài chính của các doanh nghiệp có vốn góp của PetroCons để có các giải pháp hỗ trợ và xử lý kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của Công ty mẹ.
- Xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, đặc biệt việc xử lý công nợ và vật tư tài sản tồn đọng.
- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng thương hiệu của các đơn vị thành viên theo đúng quy định của Tập đoàn.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, cân đối dòng tiền và quản trị rủi ro.
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân sự, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công để có thể triển khai các công trình/dự án trọng điểm của Tập đoàn và của các Chủ đầu tư giao, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ của Tổng công ty.
- Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và xây dựng hệ thống ERP, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của PVN.
- Cân đối dòng tiền, có kế hoạch hoàn trả vốn ủy thác mà Tập đoàn đã cho PetroCons và các công ty con vay theo đúng quy định và pháp luật hiện hành.

V. Quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu HĐQT

Trong năm 2021, ĐHĐCĐ đã kiện toàn nhân sự thành viên HĐQT PetroCons và HĐQT PetroCons đã kiện toàn chức danh Chủ tịch HĐQT. Tại thời điểm 31/12/2021, HĐQT PetroCons có 04 thành viên, trong đó 02 thành viên chuyên trách, 01 thành viên độc lập HĐQT và 01 thành viên kiêm nhiệm. Tại ĐHĐCĐ bất thường tháng 01/2022 đã bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, đến thời điểm hiện tại tại HĐQT PetroCons bao gồm 05 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PetroCons. Cụ thể như sau:

- Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện quản lý 25% VDL của cổ đông lớn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tương đương 100.000.000 cổ phần.
- Ông Trần Hải Bằng - Ủy viên Hội đồng quản trị đại diện quản lý 15% VDL của cổ đông lớn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tương đương 60.000.000 cổ phần.
- Ông Chu Thanh Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị, quản lý 14,47% VDL của cổ đông lớn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tương đương 57.873.333 cổ phần.
- 01 Thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (không đại diện phần vốn): ông Nguyễn Hoài Nam.
- 01 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là ông Phạm Văn Khánh

b. Các tiểu Ban thuộc Hội đồng quản trị: PetroCons không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, HĐQT họp 16 phiên họp thường kỳ và 110 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 45 Nghị quyết, 43 Quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2021 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 49/BC-XLDK ngày 28/01/2022 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nghiêm Quang Huy	16/16	100%	
2	Ông Lương Đình Thành	12/14	86%	- Ủy quyền (01) - Vắng mặt (01)
3	Ông Phạm Văn Khánh	16/16	100%	
4	Trần Hải Bằng	14/14	100%	TV HĐQT từ ngày 30/6/2021
5	Chu Thanh Hải	12/14	86%	TV HĐQT từ ngày 30/6/2021 - Ủy quyền (01) - Vắng mặt (01)

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, trong năm 2021, HĐQT đã cử các Thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình triển khai thực hiện công việc tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2.

d. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

- Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong năm 2021:
- + Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên;
- + Thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, trả đầy đủ các phiếu xin ý kiến của HĐQT;
- + Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

e. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
1	Nghiêm Quang Huy	- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên - Đào tạo tiền công vụ	- Trường ĐTCB Lê Hồng Phong - Học viện hành chính Quốc gia	Từ 24/6/2004 – 10/01/2005 - Từ 9/2005 – 12/2005

		<ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu - Bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA và định giá xây dựng trong lĩnh vực cầu đường - Tập huấn nghiệp vụ cho kỹ sư giao thông - Trung cấp lý luận chính trị - HCK112 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm đào tạo về quản lý - Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải - Tổ chức JICA (Nhật Bản) - Trường CBQL Giao thông vận tải 	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 5/2006 - Tháng 11/2009 - Tháng 9/2008 - Từ tháng 6/2020 đến tháng 3/2021
2	Chu Thanh Hải	Giấy chứng nhận bồi dưỡng Kế toán trưởng doanh nghiệp nhà nước năm 2004	Học viện tài chính	Từ 10/5/2004 đến 26/6/2004
3	Nguyễn Hoài Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ Đàm phán HĐ xây dựng, giải quyết xung đột và tranh chấp trong dự án xây dựng, xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả tại. - Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu nâng cao - Trung cấp lý luận chính trị 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. - Công ty CP CFTD sáng tạo - Đảng ủy khối doanh nghiệp TW - Trường cán bộ quản lý Giao thông vận tải 	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 11/2006 - Tháng 5/2013 - Tháng 06/2020 đến tháng 02/2021

2. Ban kiểm soát

a. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, trong đó:

- + Ông Hứa Xuân Nam – Trưởng Ban Kiểm soát
- + Ông Nguyễn Ngọc Cương – Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021).
- + Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021).

b. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Trong năm 2021, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Tổng công ty thông qua, Ban Kiểm soát PetroCons đã tập trung triển khai công tác giám sát thường xuyên tại Tổng công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tổng công ty, nội dung công việc cụ thể như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý hoạt động SXKD theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty: Ban Kiểm soát ban hành 04 công văn gửi HĐQT, TGD đề nghị cung cấp kết quả SXKD hàng quý tại Tổng công ty để kiểm tra, giám sát đồng thời làm cơ sở lập báo cáo hàng quý/năm gửi cổ đông lớn là PVN. Đối với các đơn vị thành viên của PetroCons, Ban Kiểm soát xem xét các báo cáo của đơn vị và Người đại diện phần vốn của PetroCons tại các đơn vị để kịp thời đưa ra các kiến nghị đề xuất đối với HĐQT, Tổng giám đốc PetroCons. Ngày 04/8/2021, Ban Kiểm soát có công văn số 1246/XLDK-BKS gửi Ban Kiểm soát tại các đơn vị thành viên PetroCons thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021. Bên cạnh đó, ngày 22/11/2021, Ban Kiểm soát ban hành công văn số 2042/XLDK-BKS gửi Người đại diện phần vốn của PetroCons tại các đơn vị thành viên, Ban Kiểm soát tại các công ty chi phối, công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính về việc hướng dẫn thẩm định báo cáo tài chính định kỳ. Ban Kiểm soát đã nhận đầy đủ các thông báo kết quả về công tác điều hành hoạt động của HĐQT/Ban Tổng Giám đốc (TGD) và tham gia các cuộc họp của HĐQT/Ban TGD về công tác điều hành toàn diện SXKD toàn Tổng công ty, đặc biệt là các cuộc họp với Người đại diện phần vốn tại các đơn vị liên kết, đầu tư tài chính để xây dựng và định hướng trong công tác xây dựng chiến lược phát triển lâu dài trong hệ thống PetroCons và đã hoàn thiện phương án tái cơ cấu PetroCons trong giai đoạn 2021-2025 trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT: Thông qua việc xem xét các Nghị quyết, quyết định của HĐQT/Tổng giám đốc trong các quyết định điều hành hoạt động SXKD, Ban Kiểm soát đã kiến nghị sự cần thiết sửa đổi một số các quy chế, quy định của Tổng công ty PetroCons để ban hành đảm bảo cho phù hợp với chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy chế, quy định của cổ đông lớn là Tập đoàn.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của Tổng công ty;

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm. Đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu;

- Giám sát việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền; giám sát việc huy động, sử dụng vốn và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty;

- Giám sát, đánh giá giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty và công ty trong đó Thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của Tổng công ty là Thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2021. Định kỳ hàng quý, tổng kết, lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và việc chấp hành các quy định của pháp luật Nhà nước.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, các đơn vị thành viên, giúp Tổng công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Ngoài công tác kiểm tra giám sát thường xuyên tại Tổng công ty, Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD tại Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và lắp máy Dầu khí và đã gửi kết quả kiểm tra cho HĐQT/TGD PetroCons.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hàng năm và trên cơ sở ý kiến của cổ đông lớn là PVN tại Công văn số 6262/DKVN-KSNB ngày 02/11/2021 về việc báo cáo kết quả thực hiện năm 2021 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2022, Ban Kiểm soát PetroCons đã lập kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2022 để báo cáo cổ đông lớn là PVN tại Công văn số 2005/XLDK-BKS ngày 16/11/2021 và đã được thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 của Người đại diện PVN làm công tác kiểm soát tại các doanh nghiệp khác tại Quyết định số 12/QĐ-DKVN ngày 04/01/2022.

- Ban Kiểm soát tham gia cuộc họp của cổ đông lớn là PVN với Tổng công ty PetroCons (Biên bản làm việc số 7426/BB-DKVN ngày 22/12/2021 chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PVN tại PetroCons).

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua

3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

3.1. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT trong năm 2021

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

- Tiền lương/thù lao của các thành viên HĐQT thực lĩnh trong năm 2021 là 1.077.428.459 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Tiền lương/thù lao năm 2021	Thực lĩnh năm 2021	Ghi chú
1	Ông Nghiêm Quang Huy	552.000.000	477.245.198	Chủ tịch HĐQT: Tháng 11 -12/2021.
				Thành viên phụ trách: Tháng 8-9/2021.
				Thành viên HĐQT: Từ tháng 1 đến tháng 7/2021.
2	Ông Phạm Văn Khánh	243.600.000	219.240.000	
3	Chu Thanh Hải	22.086.957	19.878.261	Từ 30/6/2021.
4	Trần Hải Bằng	261.000.000	223.616.000	Từ 30/6/2021.
5	Ông Lương Đình Thành	154.790.000	137.449.000	Nguyên thành viên phụ trách HĐQT kiêm TGD: Từ tháng 1 đến tháng 7/2021.
				Thành viên HĐQT: Từ tháng 8 đến ngày 5/11/2021.

- Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2021 là: 203.000.000 đồng.

b. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ của HĐQT

- Trong năm 2021, có 01 giao dịch của Người nội bộ, cụ thể: - Người được uỷ quyền CBTT: Ngày 16/11/2021, bà Ngô Thị Thu Hoài - Người được UQ CBTT đăng ký bán 28.800 cp PVX. Ngày 10/12/2021, bà Ngô Thị Thu Hoài đã CBTT bán xong 28.800 cổ phiếu PVX

- Trong năm 2021, Tổng công ty không có giao dịch với các Công ty mà Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Tổng công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

3.2. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Tiền lương năm 2021	Ghi chú
1	Phan Từ Giang	248.045.455	TGD từ ngày 06/8/2021
2	Nguyễn Văn Đồng	594.000.000	

STT	Họ và tên	Tiền lương năm 2021	Ghi chú
3	Vũ Chí Cường	175.450.000	Phó TGD đến hết ngày 31/5/2021
4	Nguyễn Anh Tuấn	310.704.545	Phó TGD từ ngày 03/6/2021
5	Chu Thanh Hải	519.282.609	
6	Bùi Sơn Trường	522.000.000	
7	Nguyễn Trung Trí	590.250.000	

3.3. Ban Kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

- Tiền lương/thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát thực lĩnh trong năm 2021 là 554.760.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/thù lao năm 2021	Thực lĩnh năm 2021	Ghi chú
1	Vũ Trọng Quốc Thịnh	Nguyên Trưởng Ban	53.760.000		
2	Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	465.000.000		
3	Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	18.000.000		
4	Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	18.000.000		

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021 là: 78.863.635 đồng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Xem tại báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 sau kiểm toán.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

- Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2021
- Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty năm 2021 sau kiểm toán xem tại website: <http://petrocons.vn/quanhecodong/chitietquanhecodong/tabid/205/id/3545/PVX-CBTT-Bao-cao-Tai-chinh-va-van-ban-giai-trinh-BCTC-nam-2021-sau-kiem-toan-cua-Tong-cong-ty-co-phan-xay-lap-Dau-khi-Viet-Nam.aspx>

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- HĐQT (b/c);

- Lưu VT, TCHC.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phan Tử Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 61

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2021)
Ông Lương Đình Thành	Thành viên - Phụ trách Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2021)
Ông Phạm Văn Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2022)
Ông Trần Hải Bằng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Chu Thanh Hải	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2021)
Ông Lương Đình Thành	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2021)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2021)
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2022)
Ông Vũ Chí Cường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày 06/8/2021 là Ông Lương Đình Thành - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phụ trách Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty từ ngày 06/8/2021 thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Từ Giang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

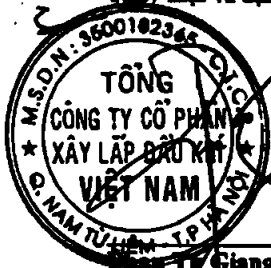
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Văn Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Số: 214/VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.881,6 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: khoảng 3.957,6 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 503 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: khoảng 433,3 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay khoảng 623,4 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: khoảng 735,8 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.
- Trong tháng 5 năm 2021, Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí ("Petroland") thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petroland, và trong tháng 12/2021 Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Petroland. Các xử lý kế toán tại thời điểm chuyển Petroland thành công ty liên kết cũng như chuyển nhượng khoản đầu tư tại Petroland được xác định trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tại ngày 31/3/2021 và Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2021 chưa được kiểm toán. Các Báo cáo tài chính này cũng chưa xử lý các vấn đề kiểm toán viên ngoại trừ trên Báo cáo tài chính của Petroland cho năm tài chính 2019 và 2020. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu báo cáo tài chính của Petroland tại các thời điểm nêu trên, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề ngoại trừ năm 2019 và 2020 đến các xử lý kế toán trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trừ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của các Công ty liên kết còn lại, theo đó giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết này đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu báo cáo tài chính của các Công ty này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

4. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có số dư khoản cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là khoảng 124,4 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: khoảng 124,4 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu về cho vay này tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2021 bao gồm các dự án đã tạm dừng thi công từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
6. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 có giá gốc lần lượt là khoảng 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa hưởng hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và để nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
7. Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có một số khoản góp vốn vào đơn vị khác đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 53 tỷ VND và 18,2 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: 49,7 tỷ VND và 18,2 tỷ VND) (dự phòng đầu tư vào các Công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được). Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
8. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, số dư hàng hóa bất động sản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty bao gồm công trình Chung cư thuộc Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình với giá trị ghi sổ khoảng 36,3 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: khoảng 36,3 tỷ VND). Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho này. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
9. Tại ngày 31/12/2021, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 65,74 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020: 64,4 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

10. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, số dư khoản đầu tư góp vốn của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) vào dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28, đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội" (Dự án Dolphin Plaza) là khoảng 37,1 tỷ VND (tại ngày 31/12/2020 là khoảng 37,1 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này hay không do Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và chưa được quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
11. Trong năm 2021, Công ty con - Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí đã thực hiện điều chỉnh giảm nợ phải thu/doanh thu (với số tiền khoảng 56,1 tỷ VND) và giảm dự phòng phải thu khó đòi/chi phí quản lý doanh nghiệp (với số tiền khoảng 61,7 tỷ VND) theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/6/2021 liên quan đến Ban Quản lý dự án công trình DKI. Dự án đã hoàn thành, nghiệm thu và ghi nhận doanh thu từ 2017, do đó, nếu Công ty con thực hiện hồi tố Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì:
- Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 khoản mục "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" sẽ tăng lên 56,1 tỷ VND, khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng lên 61,7 tỷ VND và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi 5,6 tỷ VND.
 - Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020 khoản mục "Phải thu khách hàng ngắn hạn" và khoản mục "Dự phòng phải thu khó đòi" sẽ cùng giảm đi 61,7 tỷ VND, khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" sẽ giảm đi 5,6 tỷ VND và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" sẽ tăng lên 5,6 tỷ VND.

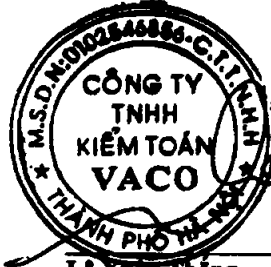
Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2021, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.
- Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo các quy định hiện hành để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

Việc từ chối đưa ra kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2022-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.030.266.336.728	6.075.301.661.812
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	389.565.231.203	282.253.910.286
1. Tiền	111		119.082.308.584	137.484.586.247
2. Các khoản tương đương tiền	112		270.482.922.619	144.769.324.039
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	286.627.744.812	173.702.182.192
1. Chứng khoán kinh doanh	121		14.900.000.000	15.071.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		285.612.744.812	172.516.182.192
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.505.178.605.362	2.756.922.220.327
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.343.742.396.316	2.441.282.967.851
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	519.685.598.262	531.758.814.629
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		1.553.515.662	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	371.489.653.344	375.924.956.451
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	394.465.127.751	720.964.425.709
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.126.635.381.423)	(1.313.886.639.763)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		877.695.450	877.695.450
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.720.858.070.044	2.717.475.550.445
1. Hàng tồn kho	141		1.876.667.985.317	2.920.603.586.188
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(155.809.915.273)	(203.128.035.743)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		128.036.685.307	144.947.798.562
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.480.219.692	1.616.072.270
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		88.259.569.316	90.377.725.291
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24	35.296.896.299	49.954.001.001
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		3.000.000.000	3.000.000.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.558.773.617.689	1.908.939.190.270
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.981.259.000	92.354.160.244
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	.	76.428.778.072
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	18.643.352.360	19.387.475.532
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	21.838.136.423	24.238.136.423
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(24.500.229.783)	(27.700.229.783)
II. Tài sản cố định	220		1.074.092.823.193	1.237.234.312.788
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	812.803.926.968	960.237.949.067
- Nguyên giá	222		1.637.060.465.064	1.761.697.522.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(824.256.538.096)	(801.459.573.385)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	261.288.896.225	276.996.363.721
- Nguyên giá	228		288.905.440.726	306.922.171.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.616.544.501)	(29.925.807.331)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	83.507.680.050	175.799.951.843
- Nguyên giá	231		108.717.372.483	212.906.923.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.209.692.433)	(37.106.971.824)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	145.654.889.656	146.736.871.474
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		25.064.213.539	25.064.213.539
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		120.590.676.117	121.672.657.935
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		70.483.753.786	70.504.603.307
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	33.869.362.776	33.874.083.734
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	203.313.000.000	203.313.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(166.698.608.990)	(166.682.480.427)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		169.053.212.004	186.309.290.614
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	102.054.386.992	116.885.294.554
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		16.529.942.280	18.446.829.027
3. Tài sản dài hạn khác	268	20	49.997.739.734	49.997.739.734
4. Lợi thế thương mại	269	21	471.142.998	979.427.299
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.589.039.954.417	7.984.240.852.082

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.740.728.069.102	6.745.677.224.170
I. Nợ ngắn hạn	310		5.533.219.612.336	6.508.616.520.393
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	3.140.545.442.959	3.359.585.516.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	190.114.381.041	265.743.871.262
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	146.049.413.093	113.097.544.587
4. Phải trả người lao động	314		66.745.362.326	66.730.236.430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	593.037.311.868	889.131.926.330
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.339.391.620	2.997.412.052
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	26	538.448.384.266	691.839.166.028
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27	856.711.948.372	1.117.584.845.931
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.831.227.000	4.037.377.467
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(2.603.250.209)	(2.131.376.209)
II. Nợ dài hạn	330		207.508.456.766	237.060.703.777
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	25	72.686.317.725	72.686.317.725
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		55.464.061.821	62.482.079.943
3. Phải trả dài hạn khác	337	26	1.421.588.636	13.514.977.172
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28	62.417.400.000	74.473.084.621
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		15.519.088.584	13.904.244.316
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		848.311.885.315	1.238.563.627.912
I. Vốn chủ sở hữu	410	29	848.311.885.315	1.238.563.627.912
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.831.719.482	6.831.719.482
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.063.276.245	3.063.276.245
4. Cổ phiếu quỹ	415		(29.720.195)	(2.862.805.993)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		150.859.427.814	157.678.294.436
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.162.412.232	2.162.412.232
7. (Lỗ) lũy kế	421		(3.881.614.450.193)	(3.957.601.514.707)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.954.179.184.086)	(3.860.584.276.385)
- Lãi/(Lỗ) năm nay	421b		72.564.733.893	(97.017.238.322)
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		567.039.219.930	1.029.292.246.217
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.589.039.954.417	7.984.240.852.082

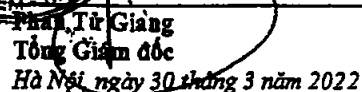


Nguyễn Thị Thu Anh
 Người lập biểu



Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng

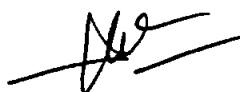



 Phan Tử Giang
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	2.062.745.839.220	1.565.679.343.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	235.395.000	10.751.928.903
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.062.510.444.220	1.554.927.414.109
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	2.158.452.769.973	1.565.080.101.254
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(95.942.325.753)	(10.152.687.145)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	181.364.938.325	53.253.640.805
7. Chi phí tài chính	22	35	59.543.898.696	32.125.565.633
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.198.879.391	59.021.773.917
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		11.978.272.750	(936.879.598)
9. Chi phí bán hàng	25		67.946.000	161.195.364
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	17.859.060.518	181.574.398.622
11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		19.929.980.108	(171.697.085.557)
12. Thu nhập khác	31		33.701.883.796	20.094.193.566
13. Chi phí khác	32		8.559.764.007	18.489.682.152
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		25.142.119.789	1.604.511.414
15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		45.072.099.897	(170.092.574.143)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	(1.100.009.228)
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp	52		1.916.886.748	(1.536.307.030)
18. Lãi/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		43.155.213.149	(167.456.257.885)
18.1 Lãi/(Lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	61		72.564.733.893	(97.017.238.322)
18.2 (Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(29.409.520.744)	(70.439.019.563)
19. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	38	181	(243)


 Nguyễn Thị Thu Anh
 Người lập biểu


 Vũ Minh Công
 Kế toán trưởng


 Phan Tử Giang
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	45.072.099.897	(170.092.574.143)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	65.117.797.115	83.400.282.681
Các khoản dự phòng	03	(179.987.059.046)	(15.852.225.022)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.534.967.985	110.294.958
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(194.536.454.241)	(52.646.778.530)
Chi phí lãi vay	06	49.198.879.391	59.021.773.917
3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(212.599.768.899)	(96.059.226.139)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(130.446.060.587)	323.073.272.220
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	895.000.110.773	(264.555.565.876)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(286.981.439.215)	(154.106.848.194)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	14.887.773.811	(10.252.033.785)
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	171.000.000	136.068.065.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.413.982.606)	(36.588.726.001)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.940.424.870	8.826.896.405
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.615.650.685)	(21.997.139.709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	219.942.407.462	(115.591.306.079)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(816.470.953)	(3.197.413.434)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.908.650.313	6.431.156.127
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(314.344.061.094)	(33.305.590.632)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	49.414.013.019	124.923.479.626
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác (đã trừ đi số dư Tiền và tương đương tiền tại thời điểm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí chuyển thành công ty liên kết)	26	419.612.370.870	51.561.019.247
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.545.875.826	19.919.601.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	160.320.377.981	166.332.252.025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	629.084.522.220	422.745.839.895
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(902.013.104.400)	(543.617.449.293)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	(13.488.905.204)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.280.000)	(49.481.890)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(272.949.862.180)</i>	<i>(134.409.996.492)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>107.312.923.263</i>	<i>(83.669.050.546)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>282.253.910.286</i>	<i>366.003.692.125</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>(1.602.346)</i>	<i>(80.731.293)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</i>	<i>70</i>	<i>389.565.231.203</i>	<i>282.253.910.286</i>


Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Phạm Tử Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 02 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường; công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè biển cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch;
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam;
- Ban điều hành dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester;
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ; và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 07 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 18.

Trong năm, Tổng Công ty không còn quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí ("PTL") thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PTL. Theo đó, khoản đầu tư vào PTL được phân-loại thành khoản đầu tư vào Công ty liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ Quý 2/2021.

Thông tin chi tiết về giá trị tài sản thuần của PTL tại thời điểm chuyển thành Công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Đầu tư và Đô thị Dầu khí
TÀI SẢN	
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.377.952.315
Đầu tư tài chính ngắn hạn	153.526.430.029
Các khoản phải thu ngắn hạn	539.599.349.905
Hàng tồn kho	148.935.490.098
Tài sản ngắn hạn khác	21.009.340.217
Các khoản phải thu dài hạn	76.428.778.072
Tài sản cố định	101.329.467.394
Bất động sản đầu tư	91.063.319.718
Tài sản dở dang dài hạn	3.557.474.402
Tài sản dài hạn khác	69.869.679
	1.156.897.471.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

	Công ty Cổ phần Đầu tư và Đô thị Dầu khí
NỢ PHẢI TRẢ	427.467.140.451
Nợ ngắn hạn	409.622.626.912
Nợ dài hạn	17.844.513.539
TÀI SẢN THUẬN	729.430.331.378

Trong tháng 12/2021, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của PTL thông qua sàn giao dịch chứng khoán với giá phí chuyển nhượng là 421 tỷ VND, theo đó một khoản lãi từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư tại PTL đã được ghi nhận với số tiền là 173 tỷ VND (Thuyết minh số 34).

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Một số số liệu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay như trình bày tại Thuyết minh số 42.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.881,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 3.957,6 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 503 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 433,3 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay là khoảng 623,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 735,8 tỷ VND). Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch để đảm bảo khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, trừ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các Công ty liên kết còn lại, theo đó giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết này đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí Quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 48
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 năm đến 38 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê hạ tầng và văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày tại Thuyết minh số 39.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
Tiền mặt	3.188.341.515	6.855.046.166
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	115.893.967.069	130.629.540.081
Các khoản tương đương tiền (ii)	270.482.922.619	144.769.324.039
	389.565.231.203	282.253.910.286

Ghi chú:

(i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm số tiền khoảng 2,8 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 32,6 tỷ VND) gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 45,3 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 97,6 tỷ VND) gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh	14.900.000.000	13.885.000.000	15.071.000.000	13.885.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
Khác	300.000.000	-	471.000.000	-
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	285.612.744.812	-	172.516.182.192	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	285.612.744.812	-	172.516.182.192	-

Ghi chú:

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và không quá 12 tháng.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.343.742.396.316	2.441.282.967.851
Phải thu các bên liên quan <i>(trình bày tại Thuyết minh số 39)</i>	1.818.388.575.334	1.699.048.932.800
Ban Quản lý Dự án công trình DK I	19.269.012.750	116.734.967.999
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	129.917.806.398	140.188.201.458
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	130.681.828.481	108.251.012.834
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	245.485.173.353	377.059.852.760
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	76.428.778.072
Phải thu khách hàng dài hạn khác	-	76.428.778.072
	2.343.742.396.316	2.517.711.745.923

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Ngắn hạn	519.685.598.262	531.758.814.629
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO)	113.386.879.741	113.386.879.741
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	94.196.241.641
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	43.006.213.439
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Công nghiệp tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	42.215.869.300
Các khoản khác	200.893.535.188	238.953.610.508
b. Dài hạn	18.643.352.360	19.387.475.532
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	5.945.337.557	6.745.337.557
Các nhà cung cấp khác	12.698.014.803	12.642.137.975
	538.328.950.622	551.146.290.161

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	140.610.703.253	140.610.703.253	142.303.647.827	142.303.647.827
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	19.881.280.356	9.791.327.013	22.623.638.889	11.162.506.280
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
Tổng cộng	371.489.653.344	285.755.850.004	375.924.956.451	288.819.973.845

Ghi chú:

- (i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện: a) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với Oceanbank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên sau khi được gia hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam**MÃU SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn	394.465.127.751	720.964.425.709
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	30.183.984.454	96.561.351.053
- Ký cược, ký quỹ	17.611.280.695	9.847.002.201
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	42.373.709.249
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	-	147.494.400.000
- Phải thu ngắn hạn khác	303.899.547.777	424.687.963.206
b. Dài hạn	21.838.136.423	24.238.136.423
- Ký cược, ký quỹ	10.224.674.698	11.954.812.698
- Phải thu dài hạn khác	11.613.461.725	12.283.323.725
	416.303.264.174	745.202.562.132

Ghi chú:

- (i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 40).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. NỢ XẤU

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.969.964.705	-	208.969.964.705	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	167.769.556.408	-	169.462.500.982	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	67.741.628.426	26.249.851.754	88.615.572.243	24.658.993.267
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.939.674.972	41.510.769	75.939.674.972	41.510.769
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	55.539.737.388	-	58.785.694.299	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	46.748.000.242	-	46.748.000.242	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO)	60.650.027.477	6.714.619.343	60.650.027.447	6.714.619.313
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 39	34.868.038.765	1.157.116.118	35.925.998.583	1.857.959.818
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn)	30.394.484.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty Cổ phần Hasky	18.600.000.000	2.760.000.000	21.000.000.000	14.250.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	-	21.759.494.013	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	11.613.461.725	-	14.013.461.725	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam	9.446.793.928	-	9.478.456.144	-
Ban Quản lý dự án 5B - Cảng xuất Sản phẩm Nhì máy Lọc dầu Dung Quất	3.658.243.771	-	3.658.243.771	-
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	6.727.169.436	-	6.727.169.436	-
Công ty Cổ phần Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-

Ghi chú:

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị dự phòng của các khoản phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.031.645.404	2.415.127.943	20.920.808.071	4.062.015.782
Công cụ, dụng cụ	5.773.244.583	126.922.432	6.482.075.874	207.943.586
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	1.780.954.400.239	131.363.428.170	2.533.913.629.611	126.867.766.220
Hàng hoá	34.300.986.728	21.904.436.728	248.495.596.775	21.904.436.728
Hàng hoá bất động sản	42.607.708.363	-	110.791.475.857	50.085.873.427
Trong đó:				
- Chung cư thuộc Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình (ii)	36.302.881.834	-	36.302.881.834	-
- Khác	6.304.826.529	-	74.488.594.023	50.085.873.427
	1.876.667.985.317	155.809.915.273	2.920.603.586.188	203.128.035.743

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết sản xuất dở dang theo các công trình như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.193.803.057.666	118.993.127.002	1.741.343.918.315	114.454.920.570
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	245.057.868.468	-	245.057.868.468	-
Chung cư cao tầng Mỹ Phú	-	-	37.877.315.629	-
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	33.416.632.253	-	31.037.331.750	-
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	125.201.374.004	12.370.301.168	122.112.467.308	12.370.301.168
Dự án Hóa dầu Long Sơn	137.716.556.924	-	295.182.758.382	-
Các công trình khác	45.758.910.924	-	61.301.969.759	42.544.482
	1.780.954.400.239	131.363.428.170	2.533.913.629.611	126.867.766.220

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)

- (*) Như trình bày tại Thuyết minh số 41, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là hàng hóa bất động sản công trình Chung cư thuộc Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>(Trình bày lại)</u>
		<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	368.846.969	833.406.369
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.111.372.723	782.665.901
	1.480.219.692	1.616.072.270
b) Dài hạn		
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình (i)	84.220.991.796	86.313.551.892
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	9.387.449.665	10.692.472.345
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	7.210.756.921	18.342.183.244
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản	-	1.403.406.666
Lợi thế kinh doanh	-	133.680.407
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.235.188.610	-
	102.054.386.992	116.885.294.554

Ghi chú:

- (i) Phản ánh chi phí trả trước về thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	1.251.932.918.918	346.909.158.396	128.895.521.323	33.959.923.815	1.761.697.522.452
Mua sắm mới	282.947.724	-	-	122.354.545	405.302.269
Tăng từ bất động sản đầu tư	469.562.845	-	-	-	469.562.845
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.651.073.563)	-	-	-	(2.651.073.563)
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.651.642.636)	(3.894.190.370)	(892.859.500)	(12.438.692.506)
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(105.565.750.605)	-	(3.487.150.036)	(1.369.255.792)	(110.422.156.433)
Số cuối năm	1.144.468.605.319	339.257.515.760	121.514.180.917	31.820.163.068	1.637.060.465.064
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	369.575.694.499	276.964.685.768	121.730.943.092	33.188.250.026	801.459.573.385
Trích khấu hao trong năm	39.033.215.056	17.142.798.147	2.792.668.078	282.750.350	59.251.431.631
Tăng từ bất động sản đầu tư	148.227.256	-	-	-	148.227.256
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(799.049.123)	-	-	-	(799.049.123)
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.621.892.041)	(3.894.190.370)	(892.859.500)	(12.408.941.911)
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(20.540.475.273)	-	(1.628.887.688)	(1.225.340.181)	(23.394.703.142)
Số cuối năm	387.417.612.415	286.485.591.874	119.000.533.112	31.352.800.695	824.256.538.096
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	882.357.224.419	69.944.472.628	7.164.578.231	771.673.789	960.237.949.067
Tại ngày cuối năm	757.050.992.904	52.771.923.886	2.513.647.805	467.362.373	812.803.926.968

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoảng 381,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 402 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 378,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 325,2 tỷ VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	286.112.630.670	20.809.540.382	306.922.171.052
Tăng khác	498.870.456	-	498.870.456
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(17.277.352.782)	(530.248.000)	(17.807.600.782)
Thanh lý, nhượng bán	-	(708.000.000)	(708.000.000)
Số dư cuối năm	<u>269.334.148.344</u>	<u>19.571.292.382</u>	<u>288.905.440.726</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	9.803.991.911	20.121.815.420	29.925.807.331
Khấu hao trong năm	1.728.127.849	176.196.000	1.904.323.849
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(3.051.472.012)	(454.114.667)	(3.505.586.679)
Thanh lý, nhượng bán	-	(708.000.000)	(708.000.000)
Số dư cuối năm	<u>8.480.647.748</u>	<u>19.135.896.753</u>	<u>27.616.544.501</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>276.308.638.759</u>	<u>687.724.962</u>	<u>276.996.363.721</u>
Tại ngày cuối năm	<u>260.853.500.596</u>	<u>435.395.629</u>	<u>261.288.896.225</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 18,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 19,6 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ			
Số đầu năm	202.957.171.026	9.949.752.641	212.906.923.667
Tăng từ TSCĐ hữu hình	2.651.073.563	-	2.651.073.563
Tăng khác	694.116.408	-	694.116.408
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(97.115.425.669)	(9.949.752.641)	(107.065.178.310)
Phân loại lại nhóm tài sản bất động sản đầu tư	(469.562.845)	-	(469.562.845)
Số cuối năm	108.717.372.483	-	108.717.372.483
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm (Trình bày lại)	36.003.798.409	1.103.173.415	37.106.971.824
Khấu hao trong kỳ	2.951.274.033	502.483.301	3.453.757.334
Tăng từ TSCĐ hữu hình	799.049.123	-	799.049.123
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(14.839.810.900)	(1.162.047.692)	(16.001.858.592)
Phân loại lại nhóm tài sản bất động sản đầu tư	(148.227.256)	-	(148.227.256)
Số cuối năm	24.766.083.409	443.609.024	25.209.692.433
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm (Trình bày lại)	166.953.372.617	8.846.579.226	175.799.951.843
Tại ngày cuối năm	83.951.289.074	(443.609.024)	83.507.680.050

Tổng Công ty đã thế chấp một số bất động sản đầu tư với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoảng 70,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 73,1 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được
	VND	VND	VND	VND
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
Các công trình, dự án khác	7.922.605.745	2.210.996.386	7.922.605.745	2.210.996.386
	71.643.835.139	25.064.213.539	71.643.835.139	25.064.213.539

Ghi chú:

- (i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	10.095.424.390	10.135.424.390
- Xây dựng cơ bản	110.495.251.727	111.537.233.545
Trong đó:		
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
Các công trình, dự án khác (iii)	7.312.725.466	8.354.707.284
	120.590.676.117	121.672.657.935

- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCDN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn do Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cũng như bàn giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên lô đất của Dự án cho cơ quan này. Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. TÀI SẢN DỬ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 7643/BKHĐT-QLKKT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung liên quan đến dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 6161/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng giao các Bộ phối hợp hướng dẫn hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 8 tháng 02 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 743/BKHĐT-QLKKT gửi các Bộ xin ý kiến về dự thảo phương án giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, Tổng Công ty đã có Văn bản số 426/XLTK-KHĐT&TOC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, Tổng Công ty cam kết ngay khi được chấp thuận chủ trương tiếp tục được giao làm Chủ đầu tư Dự án, PVC sẽ huy động mọi nguồn lực, tiến hành tổ chức hoạt động đầu tư xây dựng dự án bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất Dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tập đoàn/Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất Dự án?

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

- (iii) Công trình, dự án khác bao gồm (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền 5.719.085.908 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.719.085.908 VND) đã tạm dừng thi công từ nhiều năm trước. Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
						Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (i)	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ

Ghi chú:

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, công ty nói trên được xác định là công ty con của Tổng Công ty và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 39.

Thông tin về khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	760.449.467.055	760.449.467.055
(Lỗ) lũy kế từ công ty liên kết	<u>(726.580.104.279)</u>	<u>(726.575.383.321)</u>
	<u>33.869.362.776</u>	<u>33.874.083.734</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT Đầu tư dài hạn khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu
	VND	VND	%	VND	VND	%
1 Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	7,58%	147.300.000.000	147.300.000.000	7,58%
2 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (i)	23.500.000.000	11.288.806.120	16%	23.500.000.000	11.288.806.120	16%
3 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO) (i)	12.500.000.000	1.488.246.800	2,5%	12.500.000.000	1.488.246.800	2,5%
4 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn) (i)	3.000.000.000	-	4%	3.000.000.000	-	4%
5 Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (i)	2.795.000.000	-	5%	2.795.000.000	-	5%
6 Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (i)	2.500.000.000	-	10%	2.500.000.000	-	10%
7 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (i)	5.400.000.000	5.400.000.000	7%	5.400.000.000	5.400.000.000	7%
8 Các khoản đầu tư dài hạn khác (i)	6.318.000.000	1.221.556.070		6.318.000.000	1.205.427.507	
	203.313.000.000	166.698.608.990		203.313.000.000	166.682.480.427	

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 53 tỷ VND và khoảng 18,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 49,7 tỷ VND và khoảng 18,2 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các công ty. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam**MÃ SỐ B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án Dolphin Plaza (i)	37.100.539.734	37.100.539.734
Dự án chung cư Long Sơn Riverside	12.897.200.000	12.897.200.000
	<u>49.997.739.734</u>	<u>49.997.739.734</u>

Ghi chú:

- (i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 ký giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô - công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID với tổng giá trị vốn góp khoảng 51,1 tỷ VND. Theo nội dung Hợp đồng, ba bên thỏa thuận cùng đầu tư vốn để thực hiện Dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội". Tại ngày 18 tháng 01 năm 2015, PVC-Đông Đô đã ký kết Phụ lục số 03 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 với Công ty Cổ phần TID để rút một phần vốn đã góp với giá trị khoảng 14 tỷ VND khỏi dự án. Tỷ lệ tham gia góp vốn của PVC-Đông Đô vào dự án này sau khi rút một phần vốn giảm từ 19% xuống còn 1,6%. Theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP308/HĐ/TID-PVFCLAND ký ngày 18 tháng 01 năm 2017, PVC-Đông Đô đã nhận chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại có diện tích 154 m² trị giá khoảng 3,5 tỷ VND từ Công ty Cổ phần TID và được quyền thanh toán số tiền này bằng việc bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

21. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Lợi thế thương mại</u>
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số đầu năm	44.187.550.926
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(12.579.568.794)
Số cuối năm	<u>31.607.982.132</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số đầu năm	43.208.123.627
Phân bổ trong năm	508.284.301
Giảm do PTL chuyển thành Công ty liên kết	(12.579.568.794)
Số cuối năm	<u>31.136.839.134</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số đầu năm	<u>979.427.299</u>
Số cuối năm	<u>471.142.998</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim	920.815.024.388	1.054.255.257.836
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	481.825.479.593	484.890.856.579
Tập đoàn Sojitz	129.431.850.559	132.719.099.414
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	99.995.517.340	22.069.082.919
Cyclotech Engineering Pte Ltd	36.828.871.782	13.410.997.068
Tổng Công ty Ba Sơn - Công ty TNHH MTV	65.978.955.914	66.855.536.839
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	51.289.907.320
Các khoản khác	1.112.646.839.307	1.241.071.874.464
	3.140.545.442.959	3.359.585.516.515
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	506.770.581.202	468.556.330.518

Ghi chú:

- (i) Thể hiện số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 40).

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đã quá hạn.

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Công ty TNHH Hoá Dầu Long Sơn	-	95.291.936.043
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	100.391.415.199	100.508.670.384
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	50.009.054.320	55.740.009.354
Người mua trả tiền trước mua chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	-	27.036.727
Các đối tượng khác	39.713.911.522	14.176.218.754
	190.114.381.041	265.743.871.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm (Trình bày lại)	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải thu/ phải nộp	Số đã thu/dã nộp/bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	-	-	30.465.765
Thuế xuất nhập khẩu	19.254.703	-	-	19.254.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.368.452.547	-	14.209.089.302	35.159.363.245
Thuế thu nhập cá nhân	535.044.266	184.136.908	632.152.308	87.028.866
Các loại thuế khác	783.720	-	-	783.720
	49.954.001.001	184.136.908	14.841.241.610	35.296.896.299
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	67.855.833.343	81.220.364.755	59.257.110.228	89.819.087.870
Thuế nhập khẩu	-	454.537.213	454.537.213	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.037.290.046	-	-	5.037.290.046
Thuế thu nhập cá nhân	4.061.832.592	2.495.838.795	2.294.669.665	4.263.001.722
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	20.290.093	80.662.489	100.952.582	-
Tiền thuế đất	4.492.115.504	4.586.606.543	490.269.071	8.588.452.976
Thuế khác	31.630.183.009	8.876.467.785	2.165.070.315	38.341.580.479
	113.097.544.587	97.714.477.580	64.762.609.074	146.049.413.093

25. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn	593.037.311.868	889.131.926.330
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng	446.506.662.830	639.327.032.541
Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn	141.033.336.017	143.627.208.958
Chi phí phải trả khác	5.497.313.021	106.177.684.831
b. Dài hạn	72.686.317.725	72.686.317.725
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng dài hạn	72.686.317.725	72.686.317.725
	665.723.629.593	961.818.244.055

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn	538.448.384.266	691.839.166.028
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	-	158.268.480.000
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	142.089.980.808	133.507.481.108
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	62.796.151.136
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	50.000.000.000
Nhận đặt cọc ngắn hạn	1.315.311.546	1.540.311.546
Lãi vay phải trả	4.884.181.127	7.505.411.401
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	198.117.666.783	140.278.551.345
b. Dài hạn	1.421.588.636	13.514.977.172
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	-	10.850.000.327
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	1.421.588.636	2.664.976.845
	539.869.972.902	705.354.143.200

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 40.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 28. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã quá hạn.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	403.935.299.294	617.028.837.599	787.255.156.695	233.708.988.198		
- Vay tại Công ty Mẹ	180.684.026.306	97.667.530.587	187.146.922.667	91.204.634.226		
- Vay tại các công ty con	223.251.272.988	519.361.307.012	600.108.234.028	142.504.345.972		
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 28)	713.649.546.637	12.055.684.621	102.702.263.084	623.002.968.174		
- Vay tại Công ty Mẹ	690.384.585.719	-	96.167.734.330	594.216.851.389		
- Vay tại các công ty con	23.264.960.918	12.055.684.621	6.534.528.754	28.786.116.785		
Tổng cộng	1.117.584.845.931	629.084.522.220	889.957.419.779	856.711.948.372		

Ghi chú:

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	91.204.634.226	180.684.026.306
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	31.791.176.260	55.960.174.396
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	15.884.170.658
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	25.668.690.110	26.059.674.110
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	9.646.914.651
Ngân hàng TMCP Quân đội	70.940.704.570	69.998.728.109
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	14.103.775.032	45.701.611.064
	233.708.988.198	403.935.299.294

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư gốc vay ngắn hạn đã quá hạn, chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 25.668.690.110 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 41.943.844.768 VND), Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị
	VND		VND	VND	VND
Vay dài hạn (i)	788.122.631.258	12.055.684.621	114.757.947.705		685.420.368.174
- Vay tại Công ty Mẹ	690.384.585.719	-	96.167.734.330		594.216.851.389
- Vay tại các Công ty con	97.738.045.539	12.055.684.621	18.590.213.375		91.203.516.785
	788.122.631.258	12.055.684.621	114.757.947.705		685.420.368.174
<i>Trong đó:</i>					
Số phải trả trong vòng 12 tháng	713.649.546.637				623.002.968.174
Số phải trả sau 12 tháng	74.473.084.621				62.417.400.000

Ghi chú:

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (*)	594.216.851.389	690.384.585.719
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	90.242.206.873	91.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	4.769.635.723
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	961.309.912	1.468.409.816
	685.420.368.174	788.122.631.258

(*) Vay dài hạn đến hạn trả tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư gốc vay dài hạn đã quá hạn, chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 597.716.851.389 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 693.884.585.719 VND). Tổng Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ vay quá hạn nêu trên.

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng bằng VND, theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay dài hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khoản vay có tài sản đảm bảo	91.203.516.785	97.738.045.539
Khoản vay tín chấp	594.216.851.389	690.384.585.719
	685.420.368.174	788.122.631.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi	91.203.516.785	97.738.045.539
Khoản vay áp dụng lãi suất cố định	594.216.851.389	690.384.585.719
	<u>685.420.368.174</u>	<u>788.122.631.258</u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	623.002.968.174	713.649.546.637
Trong năm thứ hai	5.292.400.000	10.973.084.621
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	19.125.000.000	25.500.000.000
Sau năm năm	38.000.000.000	38.000.000.000
	<u>685.420.368.174</u>	<u>788.122.631.258</u>

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	623.002.968.174	713.649.546.637
---	-----------------	-----------------

Số phải trả sau 12 tháng	<u>62.417.400.000</u>	<u>74.473.084.621</u>
---------------------------------	-----------------------	-----------------------

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phái triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lỗi lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.245	(2.862.805.993)	157.678.294.436	2.162.412.232	(3.957.601.514.707)	1.029.292.246.217	1.238.563.627.912
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	72.564.733.893	(29.409.520.744)	43.155.213.149
Tăng/(Giảm) do mất quyền kiểm soát tại PTL	-	-	-	2.833.085.798	(8.448.644.906)	-	5.615.559.109	(432.755.575.926)	(432.755.575.925)
Phân loại lại (Giảm) khác	-	-	-	-	1.629.778.284	-	(2.146.158.105)	-	(516.379.821)
	-	-	-	-	-	-	(47.070.383)	(87.929.617)	(135.000.000)
Số dư cuối năm	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.245	(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.881.614.450.193)	567.039.219.930	848.311.885.315

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 02 năm 2022, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	2.178.733.330.000
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	1.821.266.670.000
	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp kèm theo

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	400.000.000	400.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.971	2.971
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.997.029	399.997.029
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận Xây lắp:	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng:	Kinh doanh nhà và hạ tầng;
Bộ phận dịch vụ và khác:	Cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày cuối năm

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	6.492.181.426.528	367.378.778.223	827.801.631.503	(247.786.812.418)	7.439.575.023.836
(Lỗ) từ công ty liên kết	(850.535.069.420)	-	-	-	(850.535.069.420)
Tổng tài sản hợp nhất					6.589.039.954.417
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	5.577.942.726.764	126.370.610.322	448.058.441.375	(411.643.709.360)	5.740.728.069.102
Tổng nợ phải trả hợp nhất					5.740.728.069.102

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày đầu năm

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	6.870.572.635.822	586.386.438.786	2.078.732.164.491	(824.875.003.696)	8.710.816.235.403
(Lỗ) từ công ty liên kết	(726.575.383.321)	-	-	-	(726.575.383.321)
Tổng tài sản hợp nhất					7.984.240.852.082
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	6.097.649.533.718	262.429.922.561	882.078.292.700	(496.480.524.809)	6.745.677.224.170
Tổng nợ phải trả hợp nhất					6.745.677.224.170



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay:

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.913.627.396.421	121.360.959.497	73.516.116.237	(45.994.027.935)	2.062.510.444.220
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.995.549.970.072	171.586.901.684	46.894.359.881	(55.578.461.664)	2.158.452.769.973
Kết quả kinh doanh bộ phận	(81.922.573.651)	(50.225.942.187)	26.621.756.356	9.584.433.729	(95.942.325.753)
Chi phí không phân bổ					(17.927.006.518)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(113.869.332.271)
Phân lãi trong công ty liên kết					11.978.272.750
Lợi nhuận khác					25.142.119.789
Lãi từ hoạt động tài chính					121.821.039.629
Lợi nhuận trước thuế					45.072.099.897
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.916.886.748)
Lợi nhuận sau thuế					43.155.213.149

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm trước:

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.407.281.633.148	54.230.964.888	107.556.370.246	(14.141.554.173)	1.554.927.414.109
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.376.922.019.274	52.652.079.952	152.045.279.298	(16.539.277.270)	1.565.080.101.254
Kết quả kinh doanh bộ phận	30.359.613.874	1.578.884.936	(44.488.909.052)	2.397.723.097	(10.152.687.145)
Chi phí không phân bổ					<u>(181.735.593.986)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(191.888.281.131)
Phần (lỗ) trong công ty liên kết					(936.879.598)
Lợi nhuận khác					<u>1.604.511.414</u>
Lãi từ hoạt động tài chính					21.128.075.172
(Lỗ) trước thuế					(170.092.574.143)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp					2.636.316.258
(Lỗ) sau thuế					<u>(167.456.257.885)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Miền Bắc	981.034.866.945	310.736.295.527
Miền Trung	11.130.244.641	1.399.949.113
Miền Nam	1.116.339.360.569	1.256.932.723.642
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(45.994.027.935)	(14.141.554.173)
	2.062.510.444.220	1.554.927.414.109

31. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	12.629	916.211
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	11.112.006.001	11.112.006.001

32. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Hoạt động xây lắp	1.848.719.578.759	1.395.278.698.137
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	121.360.959.497	54.230.964.887
Hoạt động dịch vụ	66.992.623.308	98.502.802.012
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	-	3.448.553.495
Hoạt động khác	25.672.677.656	14.218.324.481
	2.062.745.839.220	1.565.679.343.012
Các khoản giảm trừ doanh thu	235.395.000	10.751.928.903
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.062.510.444.220	1.554.927.414.109

33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Hoạt động xây lắp	1.947.764.185.179	1.361.523.812.213
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	171.586.901.684	52.652.079.951
Hoạt động dịch vụ	67.654.537.038	75.981.600.605
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	-	6.374.657.918
Hoạt động khác	18.722.722.060	18.462.077.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(47.275.575.988)	50.085.873.427
	2.158.452.769.973	1.565.080.101.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.934.598.888	20.423.520.372
Lãi chênh lệch tỷ giá	634.609.507	1.176.339.410
Lãi chuyển nhượng cổ phần, chứng khoán	173.744.682.885	31.390.994.523
Doanh thu hoạt động tài chính khác	51.047.045	262.786.500
	181.364.938.325	53.253.640.805

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí lãi vay	49.198.879.391	59.021.773.917
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	16.128.563	(37.208.184.537)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.267.008.276	1.299.897.250
Chi phí tài chính khác	7.061.882.466	9.012.079.003
	59.543.898.696	32.125.565.633

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	92.123.855.373	96.716.874.714
Chi phí vật liệu quản lý	1.411.123.461	873.928.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.247.168.491	8.416.584.160
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(131.345.806.840)	11.628.735.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.092.135.981	26.991.137.783
Chi phí bằng tiền khác	23.330.584.052	36.947.138.039
	17.859.060.518	181.574.398.622

37. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.520.036.961	269.731.712.797
Chi phí nhân công	314.527.784.123	305.702.735.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	65.117.797.114	83.400.282.681
Chi phí dự phòng	(27.601.432.757)	15.665.665.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	936.757.207.621	1.214.441.641.251
	1.421.321.393.062	1.888.942.038.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. LÃI(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	72.564.733.893	(97.017.238.322)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
Lãi(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	72.564.733.893	(97.017.238.322)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	399.997.029	399.997.029
Lãi(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	181	(243)

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	749.298.926.880	237.099.454.444
Bán hàng hóa, dịch vụ cho các công ty liên kết	250.412.837	1.142.802.022
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	21.518.029.658	19.696.454.685
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các công ty liên kết	3.072.761.473	-
Tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	3.603.386.302	3.858.714.334
<i>Hội đồng Quản trị</i>	<i>1.141.763.512</i>	<i>1.410.621.351</i>
Ông Nguyễn Đình Thế	25.968.767	289.541.470
Ông Lương Đình Thành	396.246.532	403.103.233
Ông Nghiêm Quang Huy	374.077.486	390.867.671
Ông Trần Hải Bằng	136.508.000	-
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	-	128.387.727
Ông Phạm Cương	-	128.387.727
Ông Phạm Văn Khánh	208.962.727	70.333.523
<i>Ban Tổng Giám đốc</i>	<i>1.986.562.926</i>	<i>1.575.921.030</i>
Ông Phan Từ Giang	147.840.455	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	170.332.000	-
Ông Nguyễn Văn Đồng	383.431.065	414.240.258
Ông Nguyễn Đức Đạt	-	176.092.135
Ông Vũ Chí Cường	157.342.524	314.505.830
Ông Nguyễn Trung Trí	406.069.275	472.828.543
Ông Chu Thanh Hải	370.991.066	110.996.090
Ông Bùi Sơn Trường	335.556.542	87.258.174
Ông Vũ Mạnh Quang	15.000.000	-
<i>Ban kiểm soát</i>	<i>475.059.864</i>	<i>872.171.953</i>
Ông Vũ Trọng Quốc Thịnh	125.377.740	384.613.716
Bà Trần Thị Trang	-	168.096.296
Ông Hứa Xuân Nam	328.082.123	319.461.940
Ông Nguyễn Ngọc Cương	10.800.000	-
Ông Phùng Văn Sỹ	10.800.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.818.388.575.334	1.699.048.932.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.517.838.587.870	1.356.491.603.101
Các công ty liên kết	208.044.637.540	281.063.106.614
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	92.505.349.924	61.494.223.085
Trả trước người bán ngắn hạn	249.104.316.632	217.861.568.464
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	42.381.158.784	31.662.216
Các công ty liên kết	206.723.157.848	217.829.906.248
Phải thu ngắn hạn khác	139.269.688.367	188.539.408.361
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.778.556.600	2.334.205.219
Các công ty liên kết	134.821.919.533	184.535.990.908
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.669.212.234
Phải thu về cho vay ngắn hạn	360.491.983.598	364.927.286.716
Các công ty liên kết	360.491.983.598	364.927.286.716
Phải trả người bán ngắn hạn	506.770.581.202	468.556.330.518
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Các công ty liên kết	148.524.398.935	168.761.248.359
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	181.196.617.002	122.745.516.894
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	105.727.087.214	102.838.995.707
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	100.508.670.384	100.391.415.199
Các công ty liên kết	3.963.315.725	-
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.255.101.105	2.447.580.508
Phải trả ngắn hạn khác	118.180.310.158	118.120.717.985
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	62.796.151.136	62.736.151.136
Các công ty liên kết	5.384.159.022	5.384.566.849
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản vay	115.910.896.983	117.559.674.110
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	25.668.690.110	26.059.674.110
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	90.242.206.873	91.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm VND	Dư nợ vay quá hạn cuối năm VND	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm VND
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
Tổng			155.046.350.336	155.046.350.336	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40 CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLTKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ty thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG Công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG. Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, PVC-SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC SG có đủ khả năng thanh toán cho Oceanbank.

b) Báo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40 CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020;

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đã đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949,6 triệu USD và 10.741 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 952,7 triệu USD và 11.072 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,28%. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020. Hiện tại, Tổng Công ty đang cập nhật kế hoạch tái cơ cấu cho giai đoạn 2021 - 2025 và trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố các số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán của công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh hồi tố	Số sau điều chỉnh
		VND	VND	VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	6.073.641.541.092	1.660.120.720	6.075.301.661.812
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	267.753.910.286	14.500.000.000	282.253.910.286
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	188.202.182.192	(14.500.000.000)	173.702.182.192
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.754.659.284.247	2.262.936.080	2.756.922.220.327
Hàng tồn kho	140	2.718.246.099.027	(770.548.582)	2.717.475.550.445
Tài sản ngắn hạn khác	150	144.780.065.340	167.733.222	144.947.798.562
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.911.028.624.406	(2.089.434.136)	1.908.939.190.270
Các khoản phải thu dài hạn	210	94.832.808.817	(2.478.648.573)	92.354.160.244
Tài sản cố định	220	1.237.234.312.788	-	1.237.234.312.788
Bất động sản đầu tư	230	175.227.261.523	572.690.320	175.799.951.843
Tài sản dở dang dài hạn	240	146.957.326.019	(220.454.545)	146.736.871.474
Đầu tư tài chính dài hạn	250	70.504.603.307	-	70.504.603.307
Tài sản dài hạn khác	260	186.272.311.952	36.978.662	186.309.290.614
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	7.984.670.165.498	(429.313.416)	7.984.240.852.082
NỢ PHẢI TRẢ	300	6.746.145.125.527	(467.901.357)	6.745.677.224.170
Nợ ngắn hạn	310	6.508.234.071.950	382.448.443	6.508.616.520.393
Nợ dài hạn	330	237.911.053.577	(850.349.800)	237.060.703.777
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.238.525.039.971	38.587.941	1.238.563.627.912
Vốn chủ sở hữu	410	1.238.525.039.971	38.587.941	1.238.563.627.912
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	7.984.670.165.498	(429.313.416)	7.984.240.852.082

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.565.290.862.997	388.480.015	1.565.679.343.012
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	1.564.372.728.410	707.372.844	1.565.080.101.254
Doanh thu hoạt động tài chính	21	53.168.098.339	85.542.466	53.253.640.805
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	181.862.436.926	(288.038.304)	181.574.398.622
Chi phí khác	32	18.473.582.152	16.100.000	18.489.682.152
Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(167.494.845.826)	38.587.941	(167.456.257.885)
<i>Lãi/(Lỗ) sau thuế của Công ty mẹ</i>	<i>61</i>	<i>(97.029.824.934)</i>	<i>12.586.612</i>	<i>(97.017.238.322)</i>
<i>(Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>62</i>	<i>(70.465.020.892)</i>	<i>26.001.329</i>	<i>(70.439.019.563)</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (Tiếp theo)

Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Số sau điều chỉnh VND
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020				
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	(170.131.162.084)	38.587.941	(170.092.574.143)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	83.972.973.001	(572.690.320)	83.400.282.681
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	322.798.212.872	275.059.348	323.073.272.220
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	(265.326.114.458)	770.548.582	(264.555.565.876)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(153.638.946.838)	(467.901.356)	(154.106.848.194)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	(10.208.429.590)	(43.604.195)	(10.252.033.785)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	110.423.479.626	14.500.000.000	124.923.479.626
Tiền và tương đương tiền cuối năm		267.753.910.286	14.500.000.000	282.253.910.286

Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Phạm Tử Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng